

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM

KỸ NĂNG GIÁM SÁT
CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN VÀ
BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG



Chịu trách nhiệm: NGUYỄN PHI HÙNG

Quảng Nam, tháng 4 năm 2020

Phần I.

CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
2. Luật Thanh tra năm 2010;
3. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015;
4. Luật Đầu tư công năm 2019;
5. Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI quy định việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;
6. Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;
7. Nghị định số 159/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;
8. Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
9. Thông tư số 22/2015/TT-BKĐT ngày 18/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư;
10. Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19/6/2017 của Chính phủ quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;
11. Thông tri số 25/TTr-MTTW-BTT ngày 10/8/2017 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tại xã, phường, thị trấn.

Phần II.

BAN THANH TRA NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM:

1. Khái niệm Thanh tra nhân dân: là hình thức giám sát của Nhân dân thông qua Ban Thanh tra nhân dân (Ban TTND) đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước.

2. Ban TTND xã, phường, thị trấn là tổ chức tự quản của Nhân dân do Hội nghị nhân dân (hoặc Hội nghị đại diện nhân dân tại thôn, tổ dân phố) trực tiếp bầu ra từ địa bàn khu dân cư để giám sát việc thực hiện chính sách và pháp luật của Nhà nước đối với mọi tổ chức, cá nhân tại địa phương do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thành lập, chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động.

II. VỀ TỔ CHỨC:

1. Tổ chức của Ban TTND:

Ban TTND ở xã, phường, thị trấn do Hội nghị nhân dân⁽¹⁾ hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân⁽²⁾ ở thôn, tổ dân phố bầu. Căn cứ vào địa bàn và số lượng dân cư, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn quyết định số lượng thành viên Ban TTND. Thành viên Ban TTND không phải là người đương nhiệm trong UBND cấp xã. Nhiệm kỳ của Ban TTND ở xã, phường, thị trấn là **02** năm. Trong nhiệm kỳ, thành viên Ban TTND không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không còn được nhân dân tín nhiệm thì Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn đề nghị Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân bầu ra thành viên đó bãi nhiệm và bầu người khác thay thế.

Tổ chức của Ban TTND gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về các hoạt động của Ban TTND. Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

2. Số lượng thành viên Ban TTND:

Mỗi Ban TTND xã, phường, thị trấn có từ **05 đến 11** thành viên.

Đối với những xã, phường, thị trấn ở đồng bằng có số dân dưới 05 nghìn người thì được bầu 05 hoặc 07 thành viên; từ 05 nghìn người đến dưới 09 nghìn người thì được bầu 07 hoặc 09 thành viên; từ 09 nghìn người trở lên thì được bầu 09 hoặc 11 thành viên.

Đối với những xã ở miền núi, trung du và hải đảo, mỗi thôn được bầu 1 thành viên nhưng tổng số lượng thành viên mỗi Ban TTND không quá 11 người.

Căn cứ vào địa bàn, số lượng dân cư, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn quyết định số lượng thành viên Ban TTND ở thôn, tổ dân phố được bầu.

3. Bầu thành viên Ban TTND:

3.1. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban TTND

- Thành viên Ban TTND phải là người có uy tín, tinh thần trách nhiệm, tâm huyết, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ, có hiểu biết về chính sách, pháp luật và tự nguyện tham gia Ban TTND;

- Là người thường trú tại địa bàn xã, phường, thị trấn và không phải là người đương nhiệm trong UBND xã, phường, thị trấn.

3.2. Trình tự bầu và công nhận thành viên Ban TTND

* *Bước 1*: Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã quyết định danh sách thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố được bầu thành viên Ban TTND; phân bổ số lượng thành viên Ban TTND được bầu và hướng dẫn Trưởng Ban công tác Mặt

⁽¹⁾ Hội nghị nhân dân là Hội nghị cử tri;

⁽²⁾ Hội nghị đại biểu nhân dân là Hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình.

trận phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng dân phố việc tổ chức Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân ở thôn, tổ dân phố để bầu thành viên Ban TTND.

* *Bước 2:* Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức Hội nghị dự kiến người ứng cử thành viên Ban TTND.

Trước khi tổ chức Hội nghị, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố báo cáo cấp ủy cùng cấp về dự kiến người ứng cử thành viên Ban TTND và kế hoạch tổ chức bầu thành viên Ban TTND.

- Thành phần Hội nghị: Trưởng Ban công tác Mặt trận triệu tập và chủ trì Hội nghị gồm toàn bộ thành viên Ban công tác Mặt trận.

- Nội dung, thủ tục, trình tự Hội nghị:

+ Trưởng Ban công tác Mặt trận thông báo số lượng thành viên Ban TTND được bầu; giới thiệu tiêu chuẩn thành viên Ban TTND và nêu dự kiến giới thiệu người ứng cử thành viên Ban TTND.

+ Hội nghị thảo luận, nhận xét người được dự kiến ứng cử thành viên Ban TTND.

+ Trưởng Ban công tác Mặt trận kết luận ý kiến thảo luận của Hội nghị.

+ Hội nghị lập biên bản ghi rõ số người triệu tập, số người vắng mặt, nội dung Hội nghị, ý kiến nhận xét của Hội nghị về người được dự kiến giới thiệu ứng cử thành viên Ban TTND (*theo Mẫu số 01/BTTND*).

* *Bước 3:* Trưởng Ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân ở thôn, tổ dân phố để bầu thành viên Ban TTND.

- Tiến hành tổ chức Hội nghị nhân dân đối với thôn, tổ dân phố có dưới 100 cử tri.

- Tiến hành tổ chức Hội nghị đại biểu nhân dân đối với thôn, tổ dân phố có số lượng từ 100 cử tri trở lên. Hội nghị đại biểu nhân dân phải triệu tập tối thiểu mỗi hộ một đại diện tham dự (trường hợp không tổ chức được Hội nghị để bầu thì tổ chức lấy phiếu đồng ý hay không đồng ý của đại diện hộ gia đình).

- Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân được tiến hành khi có trên 50% số đại biểu được triệu tập có mặt.

- Thành viên Ban TTND được bầu theo sự giới thiệu của Ban công tác Mặt trận và theo đề cử của đại biểu được triệu tập tham dự Hội nghị.

- Thành phần Hội nghị gồm: Toàn thể cử tri (Hội nghị nhân dân) hoặc cử tri đại diện hộ gia đình (Hội nghị đại biểu nhân dân); toàn thể thành viên Ban công tác Mặt trận; Trưởng thôn, Phó trưởng thôn hoặc Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố.

- Trưởng Ban công tác Mặt trận gửi giấy mời đến các thành phần dự Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân và mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn tham dự.

- Nội dung, thủ tục, trình tự tổ chức Hội nghị:

+ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự Hội nghị.

+ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố giới thiệu thư ký Hội nghị và phải được trên 50% cử tri hoặc đại diện hộ gia đình tham dự Hội nghị tán thành.

+ Trưởng Ban công tác Mặt trận thông báo số lượng, thành viên Ban TTND được bầu; danh sách dự kiến những người ứng cử thành viên Ban TTND của Ban công tác Mặt trận và tiêu chuẩn thành viên Ban TTND.

+ Cử tri, đại diện hộ gia đình giới thiệu người ứng cử hoặc tự ứng cử thành viên Ban TTND.

+ Hội nghị thảo luận danh sách những người ứng cử Ban TTND.

+ Trưởng Ban công tác Mặt trận kết luận ý kiến thảo luận của Hội nghị và ấn định danh sách người ứng cử Ban TTND.

- Hội nghị tiến hành tiến hành bầu thành viên Ban TTND:

+ Bầu thành viên Ban TTND có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do Hội nghị quyết định.

+ Nếu Hội nghị biểu quyết bầu thành viên Ban TTND bằng hình thức giơ tay thì Hội nghị cử 03 người trực tiếp đếm, tính kết quả biểu quyết với từng người và công bố kết quả.

+ Nếu Hội nghị biểu quyết bầu thành viên Ban TTND bằng hình thức bỏ phiếu kín thì Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 03 đến 05 người, trong đó có 01 người làm Tổ trưởng do Trưởng Ban công tác Mặt trận giới thiệu.

+ Phiếu bầu thành viên Ban TTND phải được đóng dấu của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã, phường, thị trấn. Phiếu phải ghi rõ họ, tên đầy đủ của những người được giới thiệu ứng cử. Nếu nơi nào không có điều kiện in phiếu bầu thì có thể sử dụng phiếu bầu để trống đã đóng dấu của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã. Cử tri tín nhiệm người nào trong danh sách người ứng cử do Trưởng Ban công tác Mặt trận ấn định thì ghi rõ họ và tên người đó.

+ Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu.

Trước khi kiểm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không sử dụng đến và mời 02 cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến mở hòm phiếu và kiểm phiếu.

Sau khi kiểm phiếu xong, Tổ trưởng tổ kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử (*theo Mẫu số 02/BTTND*).

- Người trúng cử làm thành viên Ban TTND phải có trên 50% số đại biểu được triệu tập tham dự Hội nghị tín nhiệm và được lựa chọn theo thứ tự số phiếu từ cao xuống thấp cho tới khi đủ số lượng thành viên Ban TTND.

Trường hợp đối với vị trí thành viên cuối cùng của Ban TTND có từ 02 người trở lên có cùng số phiếu bằng nhau thì tổ chức bỏ phiếu tín nhiệm lại đối với

những người đó, người nào có tín nhiệm cao nhất thì trúng cử làm thành viên Ban TTND (Có thể bỏ phiếu bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do Hội nghị quyết định).

Hội nghị bầu thành viên Ban TTND phải được lập biên bản thể hiện rõ diễn biến Hội nghị và kết quả bầu thành viên Ban TTND (theo Mẫu số 03/BTTND).

* *Bước 4:*

- Trưởng ban công tác Mặt trận báo cáo kết quả bầu cử với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã ngay sau khi kết thúc Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân.

- Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày bầu xong thành viên Ban TTND, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã tổ chức cuộc họp của thành viên Ban TTND để bầu Trưởng ban, Phó trưởng ban (Trưởng ban, Phó trưởng Ban TTND phải được sự tín nhiệm của trên 50% thành viên Ban TTND).

- Danh sách thành viên Ban TTND trúng cử do Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã trình Hội nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp ra Nghị quyết công nhận Ban TTND và thông báo cho HĐND, UBND cùng cấp trong phiên họp gần nhất, niêm yết kết quả công nhận Ban TTND tại trụ sở HĐND, UBND cấp xã và thông báo cho nhân dân địa phương biết.

3.3. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban TTND và bầu thành viên thay thế

3.3.1. Bãi nhiệm thành viên Ban TTND

Trong nhiệm kỳ, nếu thành viên Ban TTND không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không còn được nhân dân tín nhiệm thì Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã đánh giá và đề nghị Trưởng ban công tác Mặt trận của thôn, tổ dân phố có thành viên không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không được nhân dân tín nhiệm phối hợp với Trưởng thôn, tổ dân phố tổ chức Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân bãi nhiệm và bầu người khác thay thế.

- Việc bầu thành viên Ban TTND thay thế được thực hiện như Mục 3 nêu trên.

- Thành phần bãi nhiệm thành viên Ban TTND áp dụng như thành phần bầu thành viên Ban TTND.

- Nội dung, trình tự tổ chức Hội nghị bãi nhiệm thành viên Ban TTND:

+ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự Hội nghị.

+ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố giới thiệu thư ký và phải được trên 50% cử tri dự Hội nghị tán thành.

+ Trưởng Ban công tác Mặt trận đọc tiêu chuẩn thành viên Ban TTND và nêu rõ lý do đưa ra Hội nghị để bãi nhiệm.

+ Việc bãi nhiệm thành viên Ban TTND có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do Hội nghị quyết định.

Nếu bãi nhiệm bằng hình thức giơ tay thì Hội nghị cử 3 người trực tiếp đếm, tính kết quả biểu quyết và công bố kết quả.

Nếu bãi nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín thì Hội nghị cử tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người, trong đó có một người làm Tổ trưởng do Trưởng Ban công tác Mặt trận giới thiệu.

Phiếu bãi nhiệm phải đóng dấu của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã; trên phiếu ghi rõ họ, tên những người đưa ra bãi nhiệm, cử tri đồng ý bãi nhiệm người nào thì gạch họ và tên người đó và bỏ vào hòm phiếu. Nếu nơi nào không có điều kiện in phiếu bãi nhiệm thì có thể sử dụng phiếu bãi nhiệm đề trắng đã đóng dấu của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã. Cử tri không tín nhiệm người nào trong danh sách bãi nhiệm ghi rõ họ và tên người đó vào phiếu.

- Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu.

Trước khi kiểm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không sử dụng đến và mời 02 cử tri có mặt tại đó chứng kiến mở hòm phiếu và kiểm phiếu.

Sau khi kiểm phiếu xong, Tổ trưởng tổ kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả (*theo Mẫu số 04/BTTND*).

- Thành viên Ban TTND bị bãi nhiệm khi có trên 50% số đại biểu được triệu tập tham dự Hội nghị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành.

Hội nghị bãi nhiệm thành viên Ban TTND phải lập biên bản nêu rõ diễn biến hội nghị và kết quả bãi nhiệm (*theo Mẫu số 05/BTTND*).

3.3.2. Miễn nhiệm thành viên Ban TTND

Trường hợp vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc lý do khác, thành viên Ban TTND có đơn xin thôi tham gia Ban TTND hoặc thành viên Ban TTND trở thành người đương nhiệm trong UBND cấp xã hoặc thay đổi nơi thường trú đến địa phương khác thì Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã báo cáo Hội nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp tạm thời cho thôi nhiệm vụ và đề nghị Ban công tác Mặt trận của thôn, tổ dân phố nơi thành viên có đơn xin thôi tham gia Ban TTND phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân gần nhất quyết định việc miễn nhiệm thành viên đó và bầu người khác thay thế. Việc tổ chức bầu và công nhận thành viên thay thế được thực hiện như quy định tại Mục 3 nêu trên. Trường hợp số thành viên Ban TTND còn dưới 2/3 thì Ban TTND phải dừng hoạt động cho đến khi bầu đủ thành viên thay thế theo quy định.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban TTND và Trưởng Ban TTND

4.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban TTND

Ban TTND xã, phường, thị trấn có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn trong việc thực hiện chính sách, pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến

ngợi, phản ánh; việc thực hiện dân chủ ở cơ sở. Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì kiến nghị người có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó;

- Xác minh những vụ việc do Chủ tịch UBND cấp xã giao;

- Tham gia việc thanh tra, kiểm tra tại xã, phường, thị trấn theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cung cấp thông tin, tài liệu, cử người tham gia khi được yêu cầu;

- Kiến nghị Chủ tịch UBND cấp xã xử lý vi phạm theo thẩm quyền và khắc phục sơ hở, thiếu sót được phát hiện qua hoạt động giám sát, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Kiến nghị Chủ tịch UBND và Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã các hình thức động viên, biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân phát hiện sai phạm và có thành tích trong công tác;

- Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến phạm vi giám sát của Ban TTND;

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do pháp luật quy định.

4.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban TTND

- Triệu tập, chủ trì các cuộc họp, hội nghị; chủ trì các cuộc giám sát, xác minh thuộc thẩm quyền của Ban TTND;

- Phân công nhiệm vụ cho thành viên Ban TTND;

- Đại diện cho Ban TTND trong mối quan hệ với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, Chủ tịch UBND, Thường trực HĐND cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan;

- Được mời tham dự các cuộc họp của HĐND, UBND cấp xã có nội dung liên quan đến nhiệm vụ giám sát, xác minh của Ban TTND;

- Tham dự các cuộc họp của HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã có nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban TTND.

III. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TTND:

1. Đối tượng, nội dung và phạm vi hoạt động giám sát

Điều 13 Nghị định số 159/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban TTND quy định đối tượng, nội dung và phạm vi giám sát của Ban TTND cụ thể như sau:

- 1.1. Hoạt động của UBND cấp xã;

- 1.2. Việc thực hiện nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND cấp xã;

- 1.3. Hoạt động của Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và các ủy viên UBND, cán bộ, công chức làm việc tại cấp xã và Trưởng

thôn, Phó trưởng thôn, Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố và những người đảm nhận nhiệm vụ tương đương;

1.4. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại xã, phường, thị trấn, gồm:

a) Công tác tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp xã;

b) Việc tiếp nhận và xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Chủ tịch UBND cấp xã;

c) Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã;

d) Việc thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo có hiệu lực pháp luật tại xã, phường, thị trấn.

1.5. Việc thực hiện Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

1.6. Việc thu, chi ngân sách, quyết toán ngân sách, công khai tài chính tại xã, phường, thị trấn;

1.7. Việc thực hiện các dự án đầu tư, công trình do nhân dân đóng góp xây dựng, do Nhà nước, các tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho xã, phường, thị trấn;

1.8. Các công trình triển khai trên địa bàn xã, phường, thị trấn có ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, an ninh, trật tự, văn hóa - xã hội, vệ sinh môi trường và đời sống của nhân dân;

1.9. Việc quản lý trật tự xây dựng, quản lý các khu tập thể, khu dân cư, việc quản lý và sử dụng đất đai tại xã, phường, thị trấn;

1.10. Việc thu, chi các loại quỹ và lệ phí theo quy định của Nhà nước, các khoản đóng góp của nhân dân tại xã, phường, thị trấn;

1.11. Việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc xử lý các vụ việc tham nhũng liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã;

1.12. Việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi, chăm sóc, giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với cách mạng, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo trợ xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn;

1.13. Những việc khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Hoạt động giám sát của Ban TTND

2.1. Xây dựng kế hoạch giám sát hàng năm

Hàng năm, căn cứ vào Nghị quyết của HĐND cấp xã, chỉ đạo của Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp và tình hình thực tiễn của địa phương, Ban TTND xây dựng Kế hoạch giám sát năm và báo cáo Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã. Kế hoạch giám sát hàng năm cần xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, kinh phí và tổ chức thực hiện.

Kế hoạch giám sát năm có thể được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế hoặc khi có vấn đề phát sinh đột xuất.

2.2. Hoạt động giám sát cụ thể

a) Xây dựng kế hoạch

Chậm nhất 05 ngày làm việc trước khi tiến hành một cuộc giám sát, Ban TTND phải có kế hoạch gửi Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam và Chủ tịch UBND cấp xã. Kế hoạch phải nêu rõ nội dung, thời gian, địa điểm giám sát; nhân sự tham gia cuộc giám sát; kinh phí và điều kiện bảo đảm cho việc giám sát.

b) Thu thập thông tin

Khi tiến hành giám sát với mỗi nội dung cụ thể, thành viên Ban TTND phải thực hiện các hoạt động sau:

- Thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát: các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, thông tin; tài liệu đã được công khai; ý kiến trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; ý kiến phản ánh, kiến nghị của nhân dân.

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật liên quan đến nội dung giám sát (trong quá trình thực hiện việc giám sát, Ban TTND có quyền đề nghị Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp xã cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến các nội dung giám sát).

c) Theo dõi, kiểm tra, phát hiện vi phạm và kiến nghị xử lý

Trên cơ sở tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin, tài liệu đã thu thập được, tiến hành so sánh, đối chiếu tình hình thực tế với quy định của pháp luật hiện hành để kịp thời phát hiện những mâu thuẫn, sự bất hợp lý, những hành vi vi phạm; tổng hợp, báo cáo Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã.

Trường hợp phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân và có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, sử dụng sai mục đích tài sản nhà nước, ngân sách nhà nước và các khoản đóng góp của nhân dân, thực hiện chương trình, dự án, quản lý và sử dụng đất đai trái với các quy định của pháp luật và các hành vi vi phạm pháp luật khác thuộc phạm vi giám sát của Ban TTND thì Ban TTND có thể trực tiếp kiến nghị có xác nhận của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã hoặc báo cáo Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã kiến nghị Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho Ban TTND.

2.3. Thông báo kết quả xem xét, giải quyết của cơ quan có thẩm quyền đến nhân dân và theo dõi việc chấp hành của các đối tượng chịu sự giám sát

Sau khi kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết về những mâu thuẫn, vi phạm phát hiện qua hoạt động giám sát, Ban TTND theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của các cấp có thẩm quyền. Sau khi có kết quả xử lý kiến

ngợi, Ban TTND sẽ thông báo kết quả xem xét, giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền đến nhân dân đồng thời theo dõi việc chấp hành các biện pháp xử lý của các đối tượng có liên quan.

Trường hợp kiến nghị không được xem xét, giải quyết hoặc thực hiện không đầy đủ, Ban TTND có quyền kiến nghị hoặc báo cáo Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã kiến nghị Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện; Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác (Thanh tra cấp huyện) xem xét, giải quyết, xử lý trách nhiệm.

3. Hoạt động xác minh của Ban TTND

Khi được Chủ tịch UBND cấp xã giao xác minh những vụ việc nhất định, Ban TTND có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung, thời gian, phạm vi, nhiệm vụ được giao:

- Ban TTND xây dựng kế hoạch xác minh bảo đảm mục đích, nội dung, phạm vi, thời gian, kinh phí, nhân sự thực hiện;

- Trong quá trình thực hiện việc xác minh, Ban TTND có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho việc xác minh; xem xét để làm rõ sự việc cần xác minh; việc xác minh được lập thành biên bản;

- Kết thúc việc xác minh, Ban TTND báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã về kết quả xác minh; đồng thời kiến nghị biện pháp xử lý;

- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân cần phải xử lý ngay thì lập biên bản và kiến nghị Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết, đồng thời giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

- Nếu sau 15 ngày kiến nghị của Ban TTND không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ban TTND có quyền kiến nghị Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, xử lý trách nhiệm.

4. Chế độ làm việc của Ban TTND

Ban TTND hoạt động trên nguyên tắc khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ và kịp thời; làm việc theo chế độ tập thể, biểu quyết theo đa số.

Ban TTND họp định kỳ mỗi quý một lần để kiểm điểm công tác trong quý và triển khai công tác quý sau, trong trường hợp cần thiết có thể họp đột xuất.

Ban TTND thực hiện chế độ báo cáo mỗi quý một lần với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã; định kỳ 6 tháng một lần tiến hành sơ kết; hàng năm tổng kết hoạt động và báo cáo trước Hội nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã.

5. Địa điểm làm việc, kinh phí thực hiện của Ban TTND

Căn cứ vào tình hình thực tế của mỗi địa phương, Ban TTND được Chủ tịch UBND cấp xã bố trí địa điểm làm việc; được tạo điều kiện sử dụng các phương tiện thông tin, liên lạc của UBND xã phục vụ cho hoạt động của Ban TTND.

Kinh phí hoạt động của Ban TTND được thực hiện theo Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc bố trí kinh phí cho các địa phương để chi hoạt động cho Ban TTND.

IV. KỸ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

1. Phương thức thực hiện quyền giám sát:

- Ban TTND chủ động tiếp nhận các ý kiến phản ánh của nhân dân, trực tiếp thu thập các thông tin, tài liệu để xem xét, theo dõi cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn thực hiện những việc thuộc phạm vi giám sát của Ban TTND;

- Phát hiện hành vi trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở xã, phường, thị trấn;

- Trực tiếp kiến nghị hoặc thông qua Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn kiến nghị với Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung giám sát của Ban TTND và giám sát việc giải quyết kiến nghị đó.

2. Hoạt động giám sát:

- Trong quá trình thực hiện việc giám sát, Ban TTND có quyền đề nghị Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc giám sát;

- Trường hợp phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân và có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, sử dụng sai mục đích tài sản nhà nước, ngân sách và các khoản đóng góp của nhân dân; thực hiện chương trình, dự án, quản lý và sử dụng đất đai trái với các quy định của pháp luật và các hành vi vi phạm pháp luật khác mà nội dung thuộc phạm vi giám sát của Ban TTND thì Ban TTND kiến nghị Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết, đồng thời báo cáo với Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho Ban TTND. Trường hợp kiến nghị không được xem xét, giải quyết hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ban TTND có quyền kiến nghị Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác (Thanh tra cấp huyện) xem xét, giải quyết.

3. Xác minh những vụ việc nhất định

3.1. Căn cứ pháp lý

Điều 16 Nghị định số 159/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy

định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban TTND quy định về hoạt động xác minh của Ban TTND cụ thể như sau:

a) Khi được Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn giao xác minh những vụ việc nhất định, Ban TTND có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung, thời gian, phạm vi, nhiệm vụ được giao.

b) Trong quá trình thực hiện việc xác minh, Ban TTND có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho việc xác minh; xem xét để làm rõ sự việc cần xác minh; việc xác minh được lập thành biên bản.

Kết thúc việc xác minh, Ban TTND báo cáo với Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn về kết quả xác minh; đồng thời kiến nghị biện pháp xử lý.

c) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân cần phải xử lý ngay thì lập biên bản và kiến nghị Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết, đồng thời giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả cho Ban TTND biết. Trường hợp kiến nghị đó không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ban TTND có quyền kiến nghị Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, giải quyết, xử lý trách nhiệm.

3.2. Lập kế hoạch xác minh

Ban TTND lập kế hoạch xác minh, thu thập chứng cứ gồm các nội dung: căn cứ pháp luật để tiến hành xác minh; mục đích, yêu cầu; những việc cần xác minh; các tài liệu, bằng chứng cần thu thập, kiểm tra xác minh; làm việc với cá nhân, cơ quan, đơn vị liên quan để thu thập chứng cứ; các điều kiện, phương tiện phục vụ cho việc xác minh; trình lãnh đạo cơ quan tham mưu phê duyệt.

3.3. Xác minh, thu thập chứng cứ

Sau khi đã củng cố hồ sơ, căn cứ kế hoạch xác minh và những vấn đề cần xác minh thực tế, Tổ (hoặc Đoàn) xác minh tố cáo tiến hành việc xác minh thực tế để xác định tính chính xác, hợp pháp của các tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung vụ việc. Trong quá trình xác minh thực tế, trường hợp có yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo thì phải có văn bản của người ra quyết định xác minh tố cáo. Việc xác minh thực tế và thu thập thêm thông tin, chứng cứ phải lập thành biên bản.

3.4. Báo cáo kết quả xác minh

- Khi kết thúc quá trình xác minh vụ việc, Ban TTND thực hiện báo cáo bằng văn bản về kết quả xác minh với người ra quyết định xác minh tố cáo. Nội dung

văn bản báo cáo phải được các thành viên trong Ban TTND xác minh thảo luận, góp ý.

- Người ký quyết định xác minh Tổ (hoặc Đoàn) có trách nhiệm xét duyệt báo cáo của Tổ (hoặc Đoàn) xác minh tố cáo về kết quả xác minh tố cáo. Sau đó Tổ (hoặc Đoàn) xác minh tố cáo chỉnh lý báo cáo kết quả xác minh theo nội dung xét duyệt của người ký quyết định xác minh và ký báo cáo biện pháp xử lý trình người ra quyết định xác minh tố cáo.

Phần II

BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

I. VỀ TỔ CHỨC

1. Định nghĩa: *Giám sát đầu tư của cộng đồng* là hoạt động tự nguyện của Nhân dân sinh sống trên địa bàn xã, phường, thị trấn nhằm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư của cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình đầu tư; phát hiện, kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm về đầu tư (trừ các công trình, dự án thuộc bí mật quốc gia theo quy định của pháp luật).

2. Thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng (Ban GSĐTCCĐ)

- Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã chủ trì thành lập Ban GSĐTCCĐ cho từng chương trình, dự án và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Thành phần của Ban GSĐTCCĐ gồm có đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã, Ban TTND và đại diện người dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố nơi có chương trình triển khai dự án.

- Ban GSĐTCCĐ có Trưởng ban, Phó trưởng ban và các thành viên.

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã cử đại diện tham gia Ban GSĐTCCĐ; Trưởng Ban TTND cử thành viên Ban TTND tham gia Ban GSĐTCCĐ (ưu tiên thành viên của Ban TTND ở nơi có chương trình, dự án đang triển khai).

3. Số lượng thành viên Ban GSĐTCCĐ

- Ban GSĐTCCĐ có ít nhất từ 05 thành viên trở lên.

- Căn cứ vào quy mô của từng chương trình, dự án triển khai trên địa bàn, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã quyết định số lượng thành viên Ban GSĐTCCĐ.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban GSĐTCCĐ

- Là người trung thực, công tâm, có uy tín, có hiểu biết về chính sách, pháp luật, có kinh nghiệm quản lý kinh tế, hiểu biết về kỹ thuật xây dựng, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và tự nguyện tham gia Ban GSĐTCCĐ.

- Phải là người có hộ khẩu thường trú và đang thường trú tại xã, phường, thị trấn; không phải là người đương nhiệm trong lãnh đạo và ủy viên UBND cấp xã; là người không có người thân (bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, bố mẹ chồng, bố mẹ vợ, vợ

hoặc chồng, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh vợ, em vợ, con ruột, con nuôi) là người có thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư, đơn vị tư vấn của chủ đầu tư, nhà thầu dự án hoặc đơn vị tư vấn, giám sát của nhà thầu, người trực tiếp quản lý dự án đầu tư trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

5. Trình tự bầu và công nhận thành viên Ban GSDTCCĐ

* *Bước 1:* Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã lựa chọn và cử đại diện tham gia Ban GSDTCCĐ; quyết định số lượng thành viên Ban GSDTCCĐ; lập danh sách các thôn, tổ dân phố và số lượng người dân trên địa bàn được bầu làm thành viên Ban GSDTCCĐ và gửi cho Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố nơi có chương trình, dự án được triển khai. Ban TTND cử đại diện tham gia Ban GSDTCCĐ (thành viên Ban GSDTCCĐ do Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã và Ban TTND chỉ định không phải bầu).

* *Bước 2:* Căn cứ vào phân bổ số lượng được bầu thành viên Ban GSDTCCĐ, tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban GSDTCCĐ, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố báo cáo cấp ủy cùng cấp về dự kiến người ứng cử thành viên Ban GSDTCCĐ và kế hoạch tổ chức bầu thành viên Ban GSDTCCĐ.

Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức Hội nghị dự kiến người ứng cử.

- Thành phần Hội nghị: Trưởng Ban công tác Mặt trận triệu tập và chủ trì Hội nghị gồm toàn bộ thành viên Ban công tác Mặt trận.

- Nội dung, thủ tục, trình tự Hội nghị:

+ Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố thông báo số lượng thành viên Ban GSDTCCĐ được bầu; giới thiệu tiêu chuẩn thành viên Ban GSDTCCĐ và nêu dự kiến giới thiệu người ứng cử.

+ Hội nghị thảo luận, nhận xét người được dự kiến.

+ Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố kết luận ý kiến thảo luận của Hội nghị.

+ Hội nghị được lập biên bản ghi rõ số người triệu tập, số người vắng mặt, nội dung Hội nghị, ý kiến nhận xét của Hội nghị về người được dự kiến giới thiệu ứng cử (*theo Mẫu số 01/BGSDTCCĐ*).

Bước 3: Trưởng Ban công tác Mặt trận các thôn, tổ dân phố được bầu thành viên Ban GSDTCCĐ chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân ở thôn, tổ dân phố để bầu thành viên Ban GSDTCCĐ.

- Tiến hành tổ chức Hội nghị nhân dân đối với thôn, tổ dân phố có dưới 100 cử tri.

- Tiến hành tổ chức Hội nghị đại biểu nhân dân đối với thôn, tổ dân phố có số lượng từ 100 cử tri trở lên. Hội nghị đại biểu nhân dân phải triệu tập tối thiểu mỗi

hộ 01 đại diện tham dự (trường hợp không tổ chức được Hội nghị để bầu thì tổ chức lấy phiếu đồng ý hay không đồng ý của đại diện hộ dân).

- Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân được tiến hành khi có trên 50% số đại biểu được triệu tập có mặt.

- Thành viên Ban GSĐTCCĐ được bầu theo sự giới thiệu của Ban công tác Mặt trận và theo đề cử của đại biểu được triệu tập tham dự Hội nghị.

- Thành phần Hội nghị gồm: Toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; toàn thể thành viên Ban công tác Mặt trận; Trưởng thôn, Phó trưởng thôn hoặc Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố.

- Trưởng Ban công tác Mặt trận gửi giấy mời đến các thành phần được triệu tập dự Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân và mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn tham dự.

- Nội dung, thủ tục, trình tự tổ chức Hội nghị:

+ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự Hội nghị.

+ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố giới thiệu thư ký Hội nghị và phải được trên 50% cử tri hoặc đại diện hộ gia đình tham dự Hội nghị tán thành.

+ Trưởng Ban công tác Mặt trận thông báo số lượng, thành viên Ban GSĐTCCĐ được bầu; tiêu chuẩn thành viên Ban GSĐTCCĐ và danh sách dự kiến những người ứng cử Ban GSĐTCCĐ của Ban công tác Mặt trận.

+ Cử tri, đại diện hộ giới thiệu người ứng cử hoặc tự ứng cử thành viên Ban GSĐTCCĐ.

+ Hội nghị thảo luận về danh sách những người ứng cử Ban GSĐTCCĐ.

+ Trưởng Ban công tác Mặt trận kết luận ý kiến thảo luận của Hội nghị và ấn định danh sách người ứng cử Ban GSĐTCCĐ.

+ Hội nghị tiến hành bầu thành viên Ban GSĐTCCĐ:

Việc bầu thành viên Ban GSĐTCCĐ có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do Hội nghị quyết định.

Nếu Hội nghị quyết định bầu bằng hình thức giơ tay thì Hội nghị cử 03 người trực tiếp đếm, tính kết quả biểu quyết với từng người và công bố kết quả.

Nếu Hội nghị quyết định bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín thì Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 03 đến 05 người, trong đó có 01 người làm Tổ trưởng do Trưởng Ban công tác Mặt trận giới thiệu.

Phiếu bầu thành viên Ban GSĐTCCĐ phải được đóng dấu của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn; trên phiếu phải ghi rõ họ, tên đầy đủ của những người được giới thiệu ứng cử. Nếu nơi nào không có điều kiện in phiếu bầu thì có thể sử dụng phiếu bầu để trắng đã có đóng dấu của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã. Cử tri tín nhiệm người nào trong danh sách người ứng cử do Trưởng Ban công tác Mặt trận ấn định thì ghi rõ họ và tên người đó.

Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu.

Trước khi kiểm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không sử dụng đến và mời 02 cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến mở hòm phiếu và kiểm phiếu.

Sau khi kiểm phiếu xong, Tổ trưởng tổ kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử (*theo Mẫu số 02/BGSĐTCCĐ*).

- Người trúng cử làm thành viên Ban GSĐTCCĐ phải có trên 50% số đại biểu được triệu tập tham dự Hội nghị tín nhiệm và được lựa chọn theo thứ tự số phiếu từ cao xuống thấp cho tới khi đủ số lượng thành viên Ban GSĐTCCĐ như Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã đã quyết định.

Trường hợp đối với vị trí thành viên cuối cùng của Ban GSĐTCCĐ có từ 02 người trở lên có cùng số phiếu bằng nhau thì tổ chức bỏ phiếu tín nhiệm lại đối với những người đó. Việc bỏ phiếu bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do Hội nghị quyết định, ai có số tín nhiệm cao nhất sẽ trúng cử làm thành viên Ban GSĐTCCĐ.

Hội nghị bầu thành viên Ban GSĐTCCĐ phải được lập thành biên bản trong đó nêu rõ diễn biến, kết quả bầu thành viên Ban GSĐTCCĐ (*theo Mẫu số 03/BGSĐTCCĐ*).

* *Bước 4:*

- Trưởng ban công tác Mặt trận của thôn, tổ dân phố được bầu thành viên Ban GSĐTCCĐ báo cáo kết quả bầu cử với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã ngay sau khi kết thúc Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân.

- Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày bầu xong thành viên Ban GSĐTCCĐ, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã tổ chức cuộc họp của thành viên Ban GSĐTCCĐ để bầu Trưởng ban, Phó trưởng ban (Trưởng Ban, Phó trưởng Ban GSĐTCCĐ phải được sự tín nhiệm của trên 50% thành viên Ban GSĐTCCĐ).

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã ra quyết định công nhận Ban GSĐTCCĐ và thông báo cho HĐND, UBND cùng cấp, chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư, nhà thầu, các đơn vị tư vấn, giám sát và thông báo cho nhân dân địa phương biết.

6. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban GSĐTCCĐ

6.1. Bãi nhiệm thành viên Ban GSĐTCCĐ

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu thành viên Ban GSĐTCCĐ không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không còn được nhân dân tín nhiệm thì Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã đánh giá và đề nghị Trưởng ban công tác Mặt trận của thôn, tổ dân phố có thành viên không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không được nhân dân tín nhiệm phối hợp với Trưởng thôn, tổ dân phố tổ chức Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân bãi nhiệm và bầu người khác thay thế.

Trường hợp thành viên Ban GSĐTCCĐ không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không còn được tín nhiệm là đại diện Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã hoặc đại diện của Ban TTND thì Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã hoặc Trưởng ban TTND cử thành viên khác đại diện tổ chức của mình thay thế.

Việc bầu thành viên Ban GSĐTCCĐ thay thế được thực hiện như quy định tại Mục 5 phần II nêu trên.

- Thành phần bãi nhiệm thành viên Ban GSĐTCCĐ áp dụng như thành phần bầu thành viên Ban GSĐTCCĐ.

- Nội dung, trình tự tổ chức Hội nghị bãi nhiệm:

+ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự hội nghị.

+ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố giới thiệu Thư ký (phải được trên 50% cử tri dự hội nghị tán thành).

+ Trưởng Ban công tác Mặt trận đọc tiêu chuẩn thành viên Ban GSĐTCCĐ và nêu rõ lý do đưa ra Hội nghị để bãi nhiệm thành viên Ban GSĐTCCĐ.

+ Việc bãi nhiệm thành viên Ban GSĐTCCĐ có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do Hội nghị quyết định.

Nếu bãi nhiệm bằng hình thức giơ tay thì Hội nghị cử 03 người trực tiếp đếm, tính kết quả biểu quyết và công bố kết quả tại Hội nghị.

Nếu bãi nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín thì Hội nghị cử tổ kiểm phiếu từ 03 đến 05 người, trong đó có Tổ trưởng do Trưởng Ban công tác Mặt trận giới thiệu.

Phiếu bãi nhiệm thành viên Ban GSĐTCCĐ phải đóng dấu của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã; trên phiếu ghi rõ họ, tên những người đưa ra bãi nhiệm, cử tri đồng ý bãi nhiệm người nào thì gạch họ và tên người đó và bỏ vào hòm phiếu. Nếu nơi nào không có điều kiện in phiếu bãi nhiệm thì có thể sử dụng phiếu bãi nhiệm để trống đã đóng dấu của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã. Cử tri không tín nhiệm người nào trong danh sách bãi nhiệm ghi rõ họ và tên người đó.

- Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu.

Trước khi kiểm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không sử dụng đến và mời 02 cử tri có mặt tại đó chứng kiến mở hòm phiếu và kiểm phiếu.

Sau khi kiểm phiếu xong, Tổ trưởng tổ kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả (*theo Mẫu số 04/BGSĐTCCĐ*).

- Thành viên Ban GSĐTCCĐ bị bãi nhiệm khi có trên 50% số đại biểu được triệu tập tham dự Hội nghị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành bãi nhiệm.

Hội nghị bãi nhiệm thành viên Ban GSĐTCCĐ phải được lập thành biên bản trong đó nêu rõ diễn biến hội nghị và kết quả bãi nhiệm (*theo Mẫu số 05/BGSĐTCCĐ*).

6.2. Miễn nhiệm thành viên Ban GSĐTCCĐ

Trường hợp vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc lý do khác, thành viên Ban GSĐTCCĐ có đơn xin thôi tham gia Ban GSĐTCCĐ hoặc thành viên Ban GSĐTCCĐ trở thành người đương nhiệm trong UBND cấp xã, trưởng thôn, phó trưởng thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố hoặc người đang đảm nhận nhiệm vụ tương đương hoặc thay đổi nơi thường trú đến địa phương khác thì Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã tạm thời cho thôi nhiệm vụ và đề nghị Ban công tác Mặt trận của thôn, tổ dân phố nơi thành viên có đơn xin thôi tham gia Ban GSĐTCCĐ phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân gần nhất quyết định việc miễn nhiệm thành viên đó và bầu người khác thay thế.

Việc tổ chức bầu và công nhận thành viên thay thế được thực hiện như quy định tại Mục 5 Phần II nêu trên. Trường hợp số thành viên dưới 2/3 thì Ban GSĐTCCĐ phải dừng hoạt động cho đến khi bầu đủ người thay thế theo quy định.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GSĐTCCĐ

1. Hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng:

Điều 74 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định về giám sát đầu tư của cộng đồng như sau:

1.1. Các chương trình, dự án chịu sự giám sát của cộng đồng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng và phản biện xã hội.

1.2. Cơ quan chủ quản tham khảo, giải trình, tiếp thu ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án đối với việc quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án có quy mô di dân, tái định canh, định cư lớn, dự án có nguy cơ tác động lớn đến môi trường, dự án có ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án về chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định canh, định cư theo quy định của pháp luật

2. Quyền của Ban GSĐTCCĐ

a) Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch kết cấu hạ tầng, quy hoạch xây dựng chi tiết các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp và kế hoạch đầu tư có liên quan trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật;

b) Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu chủ chương trình, chủ đầu tư trả lời, cung cấp các thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư: quyết định đầu tư; thông tin đầu tư; thông tin chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, địa chỉ liên hệ; tiến độ và kế hoạch đầu tư; diện tích chiếm đất và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; phương án xử lý chất thải và bảo vệ môi trường;

Đối với các chương trình, dự án có nguồn vốn và công sức của cộng đồng, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã, ngoài các nội dung trên, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thêm thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, chủng loại và định mức vật tư; kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình;

d) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp các tài liệu tại các điểm a,b,c khoản này cho Ban GSDTCCĐ.

d) Trong quá trình giám sát, nếu Ban GSDTCCĐ phát hiện thấy dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện dự án gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, an ninh, văn hóa-xã hội, môi trường sinh sống của cộng đồng; không công khai thông tin về chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật thì kiến nghị các cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đầu tư, vận hành dự án.

e) Phản ánh với các cơ quan quản lý nhà nước về kết quả giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Nội dung giám sát của Ban GSDTCCĐ:

3.1. Đối với chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; dự án đầu tư sử dụng vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản nhà nước, giá trị quyền sử dụng đất, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước

a) Theo dõi, kiểm tra sự phù hợp của quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch liên quan và kế hoạch đầu tư trên địa bàn cấp xã theo quy định của pháp luật;

b) Theo dõi, kiểm tra việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về: chỉ giới đất đai và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; tiến độ, kế hoạch đầu tư;

c) Phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng, những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành dự án;

d) Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án;

đ) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đầu tư.

3.2. Đối với các dự án đầu tư từ nguồn vốn khác được thực hiện theo các điểm a, b, c, đ Mục 3.1 nêu trên.

3.3. Đối với các chương trình, dự án đầu tư có nguồn vốn và công sức của cộng đồng, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã

a) Thực hiện theo các nội dung quy định tại Mục 3.1 nêu trên.

b) Theo dõi, kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định; theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.

* **Tuy nhiên**, từ ngày **01/01/2020** (ngày Luật Đầu tư công năm 2019 chính thức có hiệu lực) thì nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng được quy định bao gồm:

a) Việc chấp hành quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường;

b) Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định canh, định cư bảo đảm quyền lợi của Nhân dân;

c) Các chương trình, dự án sử dụng một phần vốn đóng góp của người dân;

d) Tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án;

đ) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong đầu tư công theo quy định tại Điều 14 của Luật này;

e) Phát hiện những việc làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án; những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án.

4. Tổ chức hoạt động giám sát

4.1. Xây dựng kế hoạch giám sát

Ban Thường trực MTTQ Việt Nam cấp xã xây dựng kế hoạch giám sát ĐTCCĐ đối với các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã và thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư, Ban Quản lý chương trình, dự án về kế hoạch và thành phần Ban GSĐTCCĐ chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện.

4.2. Tiến hành giám sát

4.2.1. Thu thập tài liệu

a) Yêu cầu chủ đầu tư và các cơ quan có liên quan cung cấp các tài liệu phải công bố công khai theo quy định, hoặc tự thu thập từ các nguồn chính thức khác.

b) Tổ chức thu thập các văn bản pháp luật có liên quan (như: Luật đầu tư công, Luật xây dựng, Luật đất đai, Luật bảo vệ môi trường, Luật ngân sách nhà nước,...), các quy định có liên quan của các cấp chính quyền ở địa phương; thông tin do người dân phản ánh về các dự án đầu tư trên địa bàn xã.

4.2.2. Thực hiện giám sát đối với các dự án đầu tư của xã

a) Kiểm tra sự phù hợp của nội dung Quyết định đầu tư dự án với quy hoạch, kế hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- So sánh, kiểm tra sự phù hợp giữa nội dung Quyết định đầu tư dự án với các nội dung đã công bố công khai tại các quy hoạch, kế hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt như: Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Quy hoạch phát triển các ngành; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai; Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng; Quy hoạch xây dựng chi tiết các khu đô thị, dân cư, công nghiệp,...; Kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã.

- Nếu phát hiện có sự mâu thuẫn giữa nội dung Quyết định đầu tư với các nội dung đã công bố công khai trong các tài liệu nêu trên thì ghi nhận, tiến hành xác minh, làm rõ mức độ mâu thuẫn, kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định; theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của các cấp có thẩm quyền, việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ đầu tư theo quy định.

- Trong trường hợp nhận thấy việc xử lý các vấn đề đã kiến nghị, hoặc việc chấp hành các biện pháp xử lý chưa thỏa đáng thì tiếp tục kiến nghị lên các cấp có thẩm quyền cao hơn.

b) Tổ chức theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định của chủ đầu tư và các nhà thầu:

- Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định về chỉ giới đất đai và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng; thực hiện chính sách đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; tiến độ, kế hoạch đầu tư dự án.

- Nếu phát hiện thực tế có sự khác nhau so với những nội dung đã công bố công khai trong các tài liệu liên quan thì ghi nhận, tiến hành xác minh, làm rõ mức độ khác nhau, kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định; theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của các cấp có thẩm quyền, việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ đầu tư theo quy định.

- Trong trường hợp nhận thấy việc xử lý các vấn đề đã kiến nghị, hoặc việc chấp hành các biện pháp xử lý chưa thỏa đáng thì tiếp tục kiến nghị lên các cấp có thẩm quyền cao hơn.

c) Tổ chức theo dõi, phát hiện những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường, cộng đồng:

- Theo dõi các việc làm của chủ đầu tư, các nhà thầu trong quá trình thực hiện đầu tư, triển khai dự án. Nếu phát hiện có hoạt động gây thiệt hại lợi ích của cộng đồng, gây tác động tiêu cực đến môi trường sinh sống của cộng đồng thì ghi nhận, tiến hành xác minh, làm rõ mức độ xâm hại hoặc gây tác động tiêu cực, kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định; theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của các cấp có thẩm quyền, việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ đầu tư và các nhà thầu theo quy định.

- Trong trường hợp nhận thấy việc xử lý các vấn đề đã kiến nghị, hoặc việc chấp hành các biện pháp xử lý chưa thỏa đáng thì tiếp tục kiến nghị lên các cấp có thẩm quyền cao hơn.

d) Theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư và phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án:

- Tiến hành theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án bằng cách xem xét, đánh giá dự án theo một số tiêu chí sau đây:

+ So sánh mục tiêu và quy mô đầu tư dự án so với yêu cầu thực tế đặt ra;

+ So sánh chi phí đầu tư của dự án so với những dự án có mục tiêu và quy mô đầu tư tương tự; so sánh chi phí đầu tư trên một đơn vị công suất thiết kế của dự án đang giám sát với những dự án tương tự đã đầu tư;

+ Xem xét kết quả đầu tư thực tế đạt được so với mục tiêu đầu tư đặt ra;

+ Ước tính tỷ lệ khai thác (sử dụng) công trình so với năng lực đã đầu tư;

+ Ước tính và so sánh giá thành trên một đơn vị sản phẩm, dịch vụ đầu ra của dự án đang giám sát với những dự án tương tự đã đầu tư;

+ Ước tính và so sánh giá thành sản phẩm, dịch vụ đầu ra của dự án đang giám sát với giá các sản phẩm tương tự trên thị trường;...

+ So sánh tổng các giá trị và lợi ích do đầu tư dự án mang lại với tổng các chi phí và tổn thất do thực hiện đầu tư dự án.

- Nếu phát hiện có những yếu tố bất hợp lý thì kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định; theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của các cấp có thẩm quyền, việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ đầu tư theo quy định.

- Trong trường hợp nhận thấy việc xử lý các vấn đề đã kiến nghị, hoặc việc chấp hành các biện pháp xử lý chưa thỏa đáng thì tiếp tục kiến nghị lên các cấp có thẩm quyền cao hơn.

đ) Theo dõi, kiểm tra việc nhà thầu tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức vật tư và loại vật tư theo quy định:

- Tiến hành tìm hiểu, nghiên cứu hồ sơ thiết kế kỹ thuật (hoặc thiết kế thi công) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để xác định các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức vật tư và loại vật tư quan trọng, cần phải theo dõi, kiểm tra.

- Thông báo cho chủ đầu tư và nhà thầu liên quan biết về kế hoạch theo dõi, kiểm tra của cộng đồng (đảm bảo việc theo dõi, kiểm tra của cộng đồng không làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công và chất lượng công trình).

- Trong quá trình theo dõi, kiểm tra, nếu phát hiện có việc làm sai quy định thì yêu cầu đại diện các bên (chủ đầu tư, nhà thầu thi công, nhà thầu giám sát, Ban GSDTCCD,...) có mặt tại hiện trường lập biên bản xác nhận việc làm sai quy định và cùng ký vào biên bản; kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo

quy định; theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của các cấp có thẩm quyền, việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ đầu tư và các nhà thầu theo quy định.

- Trong trường hợp nhận thấy việc xử lý các vấn đề đã kiến nghị, hoặc việc chấp hành các biện pháp xử lý chưa thỏa đáng thì tiếp tục kiến nghị lên các cấp có thẩm quyền cao hơn.

e) Theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình:

- Tiến hành tìm hiểu bản tổng dự toán công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để xác định khối lượng công việc của các hạng mục công trình, đơn giá của các chủng loại vật tư quan trọng phục vụ việc theo dõi, kiểm tra khâu nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.

- Thông báo cho chủ đầu tư và nhà thầu liên quan biết về kế hoạch theo dõi, kiểm tra của cộng đồng (đảm bảo việc theo dõi, kiểm tra của cộng đồng không làm ảnh hưởng đến việc nghiệm thu, thanh quyết toán công trình).

- Trong quá trình theo dõi, kiểm tra, nếu phát hiện có việc làm sai quy định thì yêu cầu đại diện các bên (chủ đầu tư, nhà thầu thi công, nhà thầu giám sát, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng,...) có mặt tại hiện trường lập biên bản xác nhận việc làm sai quy định và cùng ký vào biên bản; kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định; theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của các cấp có thẩm quyền, việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ đầu tư và các nhà thầu theo quy định.

- Trong trường hợp nhận thấy việc xử lý các vấn đề đã kiến nghị, hoặc việc chấp hành các biện pháp xử lý chưa thỏa đáng thì tiếp tục kiến nghị lên các cấp có thẩm quyền cao hơn.

4.2.3. Thực hiện giám sát đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước: Việc giám sát được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c và d, khoản 2.4.2.2, Mục II của Thông tri này.

4.2.4. Thực hiện giám sát đối với các dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác: Việc giám sát được thực hiện theo các quy định tại điểm a, b và c, khoản 2.4.2.2, Mục II của Thông tri này.

4.3. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát

- Ban GSĐTCCĐ định kỳ hàng quý báo cáo Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã về tình hình thực hiện GSĐTCCĐ đối với chương trình, dự án trên địa bàn. Trường hợp phát hiện các vấn đề vi phạm hoặc có các kiến nghị khác về các chương trình, dự án trong quá trình giám sát đầu tư của cộng đồng, Ban GSĐTCCĐ tổng hợp trình Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã để gửi kiến nghị tới các cơ quan liên quan;

- Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã định kỳ, hàng năm, tổng hợp kết quả GSĐTCCĐ trên địa bàn xã gửi HĐND, UBND cấp xã, Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện, cấp tỉnh;

- Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh định kỳ hàng năm tổng hợp, lập báo cáo kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng tại địa phương gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư,

HĐND, UBND cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam. Báo cáo kết quả hoạt động GSĐTCCĐ được thực hiện theo mẫu 06/BGSĐTCCĐ.

* Từ ngày **01/01/2020**, trình tự, thủ tục, quy trình giám sát đầu tư của cộng đồng được Luật Đầu tư công năm 2019 quy định như sau:

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan thực hiện các nội dung sau đây:

a) Lập kế hoạch giám sát đầu tư của cộng đồng đối với chương trình, dự án hằng năm trên địa bàn theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 74 của Luật này;

b) Thành lập Ban GSĐTCCĐ cho từng chương trình, dự án;

c) Thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư và Ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch giám sát và thành phần Ban GSĐTCCĐ chậm nhất 45 ngày trước ngày thực hiện.

2. Chủ chương trình, chủ đầu tư và Ban quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện chương trình, dự án quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Đầu tư công năm 2019⁽³⁾ cho Ban GSĐTCCĐ;

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban GSĐTCCĐ thực hiện việc giám sát theo quy định của pháp luật;

c) Tiếp thu ý kiến giám sát và tăng cường các biện pháp thực hiện dự án.

5. Địa điểm làm việc, kinh phí thực hiện

Căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã đề nghị với Chủ tịch UBND cùng cấp tạo điều kiện, bố trí địa điểm phù hợp cho Ban GSĐTCCĐ tổ chức các cuộc họp và lưu trữ tài liệu phục vụ giám sát của Ban GSĐTCCĐ; tạo điều kiện cho Ban GSĐTCCĐ sử dụng các phương tiện thông tin, liên lạc của UBND cấp xã phục vụ cho công tác giám sát của Ban GSĐTCCĐ.

Chi phí hỗ trợ GSĐTCCĐ được cân đối trong dự toán chi của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã và do ngân sách cấp xã đảm bảo. Mức kinh phí hỗ trợ GSĐTCCĐ trên địa bàn xã bố trí phù hợp với kế hoạch hoạt động GSĐTCCĐ do HĐND cấp xã quyết định và đảm bảo mức kinh phí tối thiểu 05 triệu đồng/năm (Điểm a,

⁽³⁾ Cơ quan chủ quản tham khảo, giải trình, tiếp thu ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án đối với việc quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án có quy mô di dân, tái định canh, định cư lớn, dự án có nguy cơ tác động lớn đến môi trường, dự án có ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án về chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định canh, định cư theo quy định của pháp luật.

Khoản 5, Điều 54 của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư).

Nội dung chi hỗ trợ Ban GSĐTCCĐ được thực hiện theo Khoản 6 Điều 53 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM

Điều 87 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giám sát đầu tư của cộng đồng như sau:

1. **Chủ trì** tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng và phản biện xã hội đối với các chương trình, dự án theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 74 của Luật Đầu tư công 2019 và quy định khác của pháp luật có liên quan;

2. Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng về chủ trương đầu tư các chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Đầu tư công 2019 và theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

IV. KỸ NĂNG GIÁM SÁT CỦA BAN GSĐTCCĐ

1. Giám sát việc chuẩn bị đầu tư

1.1. Mục tiêu giám sát

Kiểm tra việc lựa chọn, chuẩn bị và phê duyệt đầu tư công trình đúng quy trình quy định, phù hợp với mục tiêu, địa điểm, quy mô, mức vốn và thời hạn đầu tư công trình, dự án đã được cộng đồng thống nhất

Phát hiện để ngăn chặn các việc làm vi phạm quy định, không phù hợp với những nội dung đã được lựa chọn và thống nhất.

1.2. Đối tượng giám sát

Tổ chức, cá nhân được giao chuẩn bị hồ sơ đầu tư công trình, dự án.

Tổ chức, cá nhân được giao thẩm định, phê duyệt đầu tư công trình, dự án.

1.3. Nội dung giám sát

Việc lựa chọn đầu tư công trình, dự án.

Việc chuẩn bị hồ sơ đầu tư công trình, dự án.

Việc thẩm định và phê duyệt đầu tư công trình, dự án.

1.4. Phương pháp giám sát

Thu thập các thông báo của các cấp về các công trình đầu tư trên địa bàn xã; hồ sơ đầu tư công trình, dự án.

Tiến hành kiểm tra, so sánh các thông tin liên quan trong các tài liệu nêu trên để xác định:

Hồ sơ đầu tư công trình, dự án có đầy đủ các thành phần, nội dung theo quy định của nhà nước.

Sự phù hợp công trình, dự án với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển các ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng,... kế hoạch đầu tư có liên quan trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

Nội dung phê duyệt đầu tư công trình, dự án về quy mô đầu tư công trình, thời hạn đầu tư có phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương hay không?

1.5. Công cụ giám sát

Các quy hoạch, kế hoạch và thông báo của các cấp có thẩm quyền về các công trình đầu tư trên địa bàn xã, thôn/bản và việc khác có liên quan.

Hồ sơ đầu tư công trình, văn bản phê duyệt đầu tư công trình;

Biên bản các cuộc họp của cộng đồng hoặc HĐND đã thống nhất về các công trình đầu tư trên địa bàn xã, thôn/bản.

1.5. Tổ chức thực hiện giám sát

Tổ chức thu thập các tài liệu nêu trên và các tài liệu có liên quan, xếp sắp các tài liệu này theo thứ tự thời gian ban hành;

Tổ chức kiểm tra, so sánh các thông tin có liên quan trong các văn bản nêu trên để xác định các vấn đề như đã nêu ở trên;

Nếu phát hiện có việc làm vi phạm quy định thì lập báo cáo kiến nghị xử lý, gửi cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định;

Nếu cơ quan trực tiếp không xử lý thì kiến nghị lên cấp cao hơn;

Theo dõi việc xử lý các vấn đề đã kiến nghị và việc chấp hành các quyết định xử lý của các đối tượng liên quan.

2. Giám sát việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

2.1. Mục tiêu giám sát

Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định về sử dụng đất đai, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất của các đối tượng có liên quan;

Phát hiện để ngăn chặn các việc làm vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất

2.2. Đối tượng giám sát:

Chủ đầu tư, Tổ chức và cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; nhà thầu thi công công trình, các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản bị thu hồi.

2.3. Nội dung giám sát

Việc phổ biến các chính sách, định mức, đơn giá về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân liên quan;

Việc tự kê khai tài sản, hoa màu, đất đai của các hộ gia đình, cá nhân liên quan;

Việc xác nhận tài sản, hoa màu, đất đai của các hộ gia đình, cá nhân liên quan;

Việc lập dự toán bồi thường, hỗ trợ của tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt;

Việc thực hiện Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Việc tuân thủ các mốc chỉ giới về đất theo trích lục bản đồ giao đất.

2.4. Phương pháp giám sát

Thu thập các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai có liên quan; đặc biệt là các văn bản về chính sách, định mức, đơn giá về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND cấp tỉnh; hồ sơ địa chính liên quan đến khu vực đất được thu hồi để đầu tư xây dựng công trình.

Kiểm tra, so sánh các thông tin liên quan trong các tài liệu nêu trên để xác định:

▪ Cộng đồng có được phổ biến về chính sách, đơn giá, định mức về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hay không?

▪ Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có phù hợp với chính sách, định mức, đơn giá theo quy định hay không?

▪ Có sự mâu thuẫn giữa phần tự kê khai với phần xác nhận về tài sản, hoa màu, đất đai của các hộ trong Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt hay không?

▪ Đơn giá trong dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có phù hợp với đơn giá, định mức đã được UBND cấp có thẩm quyền đã ban hành hay không?

▪ Có ai khiếu nại, kiện cáo về Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt hay không?

▪ Thời hạn hoàn thành Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có phù hợp với Kế hoạch, tiến độ thực hiện đầu tư công trình đã được phê duyệt hay không?

Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt để xác định:

▪ Tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có thực hiện đúng Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt hay không?

▪ Nhà thầu thi công san lấp mặt bằng có thực hiện đúng Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt?

▪ Các hộ gia đình được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có thực hiện đúng Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt hay không?

▪ Chủ đầu tư, Ban QLDA, Nhà thầu thi công san lấp mặt bằng có tuân thủ các mốc chỉ giới về đất theo trích lục bản đồ giao đất hay không?

2.5. Công cụ dùng để giám sát

Các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai có liên quan; đặc biệt là các văn bản về chính sách, định mức, đơn giá về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND cấp tỉnh.

Hồ sơ đầu tư công trình, văn bản phê duyệt đầu tư công trình;

Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt;

Trích lục bản đồ giao đất để đầu tư công trình;

Các Báo cáo thực hiện Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Các biên bản ghi chép, phản ánh về việc thực hiện Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các đối tượng có liên quan.

2.6. Tổ chức thực hiện giám sát

Thu thập tìm hiểu các loại văn bản có liên quan và xếp sắp các tài liệu này theo thứ tự thời gian ban hành;

Tổ chức theo dõi, kiểm tra;

Định kỳ nhận xét và xác định các vấn đề như đã nêu ở trên trong suốt quá trình từ khi lập, phê duyệt, triển khai thực hiện Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đến khi hoàn thành Kế hoạch này;

Nếu phát hiện có việc làm vi phạm quy định thì lập báo cáo kiến nghị xử lý, gửi cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định;

Nếu cơ quan trực tiếp không xử lý thì kiến nghị lên cấp cao hơn;

Theo dõi việc xử lý các vấn đề đã kiến nghị và việc chấp hành các quyết định xử lý của các đối tượng liên quan.

3. Giám sát tiến độ thực hiện đầu tư

3.1. Mục tiêu giám sát

Theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các công việc của dự án, công trình đúng tiến độ đã phê duyệt.

Phát hiện để ngăn chặn những việc làm gây cản trở thực hiện công trình đúng tiến độ đã phê duyệt.

3.2. Đối tượng giám sát:

Chủ đầu tư, Ban QLDA; Nhà thầu giám sát thi công; Nhà thầu thi công; Nhà thầu cung cấp thiết bị, vật tư và dịch vụ; các cơ quan cấp vốn đầu tư cho dự án; các hộ gia đình, cá nhân được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

3.3. Nội dung giám sát

Theo dõi, kiểm tra các đối tượng có liên quan thực hiện các công việc của công trình, dự án đúng tiến độ đã được phê duyệt, gồm các việc chính sau đây:

- Việc xây dựng, phê duyệt Kế hoạch thực hiện công trình;
- Việc cấp vốn đầu tư cho công trình;
- Việc lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng;
- Việc thực hiện các hợp đồng;
- Việc nghiệm thu, thanh toán khối lượng đã thực hiện;
- Việc nghiệm thu, thanh quyết toán các hợp đồng;
- Việc nghiệm thu, đưa công trình vào hoạt động.

3.4. Phương pháp giám sát

Thu thập các văn bản, thông tin liên quan: Văn bản phê duyệt đầu tư công trình; văn bản thông báo cấp vốn đầu tư cho công trình; Kế hoạch thực hiện công trình; các hợp đồng thầu đã ký; các báo cáo, phản ánh về việc thực hiện các hợp đồng; các văn bản nghiệm thu, quyết toán các hợp đồng; văn bản bàn giao đưa công trình vào hoạt động.

Kiểm tra, so sánh thông tin trong các văn bản nêu trên để xác định:

- Chủ đầu tư, Ban QLDA có lập, phê duyệt Kế hoạch thực hiện công trình hay không?
- Các thời hạn trong Kế hoạch thực hiện công trình có phù hợp với tiến độ thực hiện công trình đã phê duyệt hay không?
- Việc cấp vốn đầu tư cho công trình có phù hợp với Kế hoạch thực hiện công trình đã phê duyệt hay không?
- Việc ký các hợp đồng thầu có phù hợp với thời hạn ghi trong Kế hoạch thực hiện công trình đã phê duyệt hay không?
- Việc thực hiện hợp đồng có phù hợp với thời hạn ghi trong hợp đồng hay không?
- Việc nghiệm thu, thanh quyết toán hợp đồng có phù hợp với thời hạn ghi trong hợp đồng hay không?
- Việc nghiệm thu, đưa công trình vào hoạt động có phù hợp với tiến độ đã phê duyệt hay không?

3.5. Công cụ dùng để giám sát

Các loại văn bản như đã nêu ở trên và các văn bản khác có liên quan;

Các văn bản ghi chép việc theo dõi, kiểm tra và phản ánh về việc thực hiện các công việc trong Kế hoạch thực hiện công trình.

3.6. Tổ chức thực hiện giám sát

Thu thập các loại tài liệu như đã nêu ở trên và xếp sắp các tài liệu này theo thứ tự thời gian ban hành;

Tổ chức theo dõi, kiểm tra;

Định kỳ nhận xét và xác định các vấn đề như đã nêu ở trên trong suốt quá trình thực hiện cho đến khi đưa công trình vào hoạt động;

Nếu phát hiện có việc làm vi phạm quy định, gây cản trở tiến độ thực hiện công trình thì lập báo cáo kiến nghị xử lý, gửi cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định;

Nếu cơ quan trực tiếp không xử lý thì kiến nghị lên cấp cao hơn;

Theo dõi việc xử lý các vấn đề đã kiến nghị và việc chấp hành các quyết định xử lý của các đối tượng liên quan.

4. Giám sát việc làm xâm hại lợi ích cộng đồng

4.1. Mục tiêu giám sát

Theo dõi, kiểm tra, phát hiện để ngăn chặn các việc làm xâm hại lợi ích cộng đồng về vật chất và tinh thần trong quá trình đầu tư công trình.

4.2. Đối tượng giám sát

Chủ đầu tư, Ban QLDA; Nhà thầu giám sát thi công; Nhà thầu thi công;

Nhà thầu cung cấp thiết bị, vật tư, dịch vụ đầu vào.

4.3. Nội dung giám sát

Cần tập trung giám sát các mặt sau đây:

- Việc tăng thêm hoặc phát sinh các tệ nạn xã hội trên địa bàn xã, thôn;
- Việc cản trở sinh hoạt đời sống hàng ngày của cộng đồng;
- Việc cản trở các hoạt động sản xuất kinh doanh của cộng đồng;
- Về việc làm, thu nhập của người dân trên địa bàn xã, thôn;
- Việc gây lãng phí, thất thoát nguyên, vật liệu, tài sản thuộc công trình;
- Việc sử dụng chủng loại, số lượng vật liệu theo thiết kế;
- Việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật theo thiết kế;
- Việc tuân thủ các quy định ghi trong hợp đồng về giám sát thi công;
- Việc tuân thủ các chỉ giới về đất.

4.4. Phương pháp giám sát

Theo dõi, thu thập các ý kiến phản ánh của cộng đồng, những người làm việc cho các nhà thầu thi công hoặc có liên quan trong suốt quá trình đầu tư công trình;

Định kỳ nhận xét, đánh giá về các mặt nêu trên để xác định:

▪Việc đầu tư công trình có làm tăng các tệ nạn xã hội trên địa bàn xã, thôn/bản hay không?

▪ Việc đầu tư công trình có gây cản trở sinh hoạt đời sống của cộng đồng trên địa bàn xã, thôn/bản hay không?

▪ Việc đầu tư công trình có cản trở các hoạt động sản xuất kinh doanh của cộng đồng trên địa bàn xã, thôn/bản hay không?

▪ Việc đầu tư công trình có làm giảm việc làm, thu nhập của người dân trên địa bàn xã, thôn/bản hay không?

▪ Chủ đầu tư, Ban QLDA, Nhà thầu thi công có gây lãng phí, thất thoát nguyên, nhiên vật liệu, tài sản thuộc công trình hay không?

▪ Nhà thầu cung ứng (hoặc thi công) có cung ứng (hoặc sử dụng) đúng chủng loại, số lượng vật liệu quy định theo thiết kế hay không?

▪ Nhà thầu thi công có tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật theo thiết kế hay không?

▪ Tư vấn giám sát thi công có tuân thủ các điều khoản đã ký trong hợp đồng tư vấn giám sát thi công hay không?

▪ Chủ đầu tư, Ban QLDA, Nhà thầu có tuân thủ các chỉ giới về đất hay không?

4.5. Công cụ dùng để giám sát

Các tài liệu ghi chép, phản ánh và đánh giá (của cộng đồng, của Nhóm quản lý giám sát thôn và các nguồn khác) về các mặt nêu trên so với trước khi đầu tư công trình và trong quá trình đầu tư công trình;

Các ý kiến phản ánh của người dân trong quá trình đầu tư công trình.

4.6. Tổ chức thực hiện giám sát

Theo dõi, thu thập các ý kiến phản ánh;

Định kỳ nhận xét và đánh giá về các mặt nêu trên trong quá trình đầu tư xây dựng công trình;

Nếu phát hiện có việc làm vi phạm quy định, xâm hại lợi ích cộng đồng thì lập báo cáo kiến nghị xử lý, gửi cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định;

Nếu cơ quan trực tiếp không xử lý thì kiến nghị lên cấp cao hơn;

Theo dõi việc xử lý các vấn đề đã kiến nghị và việc chấp hành các quyết định xử lý của các đối tượng liên quan.

5. Giám sát tác động môi trường

5.1. Mục tiêu giám sát

Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường của các đối tượng có liên quan trong quá trình đầu tư xây dựng công trình;

Phát hiện để ngăn chặn những tác động tiêu cực, việc làm vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

5.2. Đối tượng giám sát

Chủ đầu tư, Ban QLDA; Nhà thầu giám sát thi công; Nhà thầu thi công; các đối tượng khác có liên quan.

5.3. Nội dung giám sát

Theo dõi thường xuyên, định kỳ nhận xét và đánh giá tình trạng môi trường trên địa bàn xã, thôn trong suốt quá trình đầu tư công trình, gồm các mặt sau đây:

- Thực trạng nguồn nước phục vụ sinh hoạt trên địa bàn xã, thôn;
- Thực trạng nguồn nước phục vụ sản xuất trên địa bàn xã, thôn;
- Thực trạng nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn và ô nhiễm không khí trên địa bàn xã, thôn/bản;
- Thực trạng sức khỏe của người dân trên địa bàn xã, thôn/bản.

5.4. Phương pháp giám sát

Theo dõi, ghi chép và định kỳ nhận xét và đánh giá về các mặt nêu trên trong suốt quá trình đầu tư công trình để xác định:

- Việc đầu tư công trình có gây ảnh hưởng xấu đến nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn xã, thôn/bản hay không?
- Việc đầu tư công trình có gây ảnh hưởng xấu đến nguồn nước sản xuất trên địa bàn xã, thôn/bản hay không?
- Việc đầu tư công trình có làm tăng nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn, ô nhiễm không khí trên địa bàn xã, thôn/bản hay không?
- Việc đầu tư công trình có gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người dân trên địa bàn xã, thôn/bản hay không?

5.5. Công cụ dùng để giám sát

Luật Bảo vệ môi trường, các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Các biên bản ghi chép việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá và phản ánh về tác động của việc đầu tư công trình đến môi trường. Giám sát tác động môi trường đã lập trước đó.

5.6. Tổ chức thực hiện giám sát

Tổ chức thu thập các loại văn bản nêu trên; các thông tin phản ánh về các mặt nêu trên;

Tổ chức theo dõi thường xuyên, kiểm tra, phát hiện các yếu tố tác động đến môi trường;

Định kỳ nhận xét và đánh giá các mặt nêu trên, so sánh với tình trạng khi chưa đầu tư công trình;

Nếu phát hiện có việc làm vi phạm quy định, các yếu tố tác động xấu đến môi trường thì lập báo cáo kiến nghị xử lý, gửi cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định;

Nếu cơ quan trực tiếp không xử lý thì kiến nghị lên cấp cao hơn;

Theo dõi việc xử lý các vấn đề đã kiến nghị và việc chấp hành các quyết định xử lý của các đối tượng liên quan.

6. Giám sát việc quản lý, vận hành công trình

6.1. Mục tiêu giám sát

Theo dõi, kiểm tra việc quản lý, vận hành (sử dụng) công trình đúng quy định, đạt được mục tiêu đề ra và bền vững.

Phát hiện để ngăn chặn những việc làm vi phạm quy định, xâm hại lợi ích cộng đồng, gây lãng phí, thất thoát tài sản thuộc công trình, gây ô nhiễm môi trường.

6.2. Đối tượng giám sát

Tổ chức, cá nhân được giao quản lý, vận hành công trình;

Các tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ công trình;

Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

6.3. Nội dung giám sát

Theo dõi thường xuyên, định kỳ nhận xét và đánh giá:

- Việc quản lý, vận hành công trình;
- Việc làm xâm hại lợi ích của cộng đồng;
- Việc làm gây ô nhiễm môi trường.

6.4. Phương pháp giám sát

Thu thập các văn bản quy định, hướng dẫn về quản lý, vận hành công trình, về việc duy tu và bảo dưỡng các hạng mục thuộc công trình;

Tổ chức theo dõi, kiểm tra, thu thập các báo cáo, ý kiến phản ánh về các mặt nêu trên;

Phát hiện những việc làm vi phạm quy định, xâm hại lợi ích của cộng đồng, gây lãng phí, thất thoát tài sản thuộc công trình, gây ô nhiễm môi trường; định kỳ nhận xét và đánh giá để xác định:

Về quản lý, vận hành công trình:

- Tổ chức, cá nhân được giao quản lý, vận hành công trình có đúng với quy định của pháp luật hay không?
- Tổ chức, cá nhân được giao quản lý, vận hành công trình có đủ năng lực để quản lý, vận hành công trình hay không?
- Công trình có được quản lý, vận hành theo đúng quy trình quy định hay không?
- Công trình có được quản lý, vận hành theo mục tiêu đề ra hay không?
- Việc quản lý, vận hành công trình có bảo đảm sự bền vững hay không?

▪ Các hạng mục của công trình có được duy tu, bảo dưỡng đúng thời hạn quy định hay không?

Về việc làm xâm hại lợi ích cộng đồng:

▪ Việc vận hành công trình có làm tăng tệ nạn xã hội trên địa bàn xã, thôn/bản hay không?

▪ Việc vận hành công trình có gây cản trở sinh hoạt đời sống của cộng đồng trên địa bàn xã, thôn/bản hay không?

▪ Việc vận hành công trình có cản trở các hoạt động sản xuất kinh doanh của cộng đồng trên địa bàn xã, thôn/bản hay không?

▪ Việc vận hành công trình có làm giảm việc làm, thu nhập của người dân trên địa bàn xã, thôn/bản hay không?

▪ Tổ chức, cá nhân được giao quản lý, vận hành công trình có gây lãng phí, thất thoát tài sản thuộc công trình hay không?

▪ Tổ chức, cá nhân được giao quản lý, vận hành công trình có tuân thủ các chỉ giới về đất hay không?

Về tác động môi trường:

▪ Việc vận hành công trình có gây ảnh hưởng xấu đến nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn xã, thôn/bản hay không?

▪ Việc vận hành công trình có gây ảnh hưởng xấu đến nguồn nước sản xuất trên địa bàn xã, thôn/bản hay không?

▪ Việc vận hành công trình có làm tăng nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn, ô nhiễm không khí trên địa bàn xã, thôn/bản hay không?

▪ Việc vận hành công trình có gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người dân trên địa bàn xã, thôn/bản hay không?

6.5. Công cụ dùng để giám sát

Luật Bảo vệ môi trường, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường;

Các văn bản quy định, hướng dẫn về quản lý, vận hành công trình, về duy tu và bảo dưỡng các hạng mục công trình thuộc công trình;

Các văn bản ghi chép, phản ánh về việc duy tu và bảo dưỡng các hạng mục của công trình. Giám sát việc quản lý, vận hành công trình đã lập trước đó.

6.6. Tổ chức thực hiện giám sát

Thu thập các loại văn bản, thông tin phản ánh về các mặt nêu trên;

Tổ chức theo dõi thường xuyên, kiểm tra định kỳ;

Định kỳ nhận xét và đánh giá về các mặt nêu trên;

Nếu phát hiện có việc làm vi phạm quy định, xâm hại lợi ích cộng đồng, gây lãng phí, thất thoát tài sản thuộc công trình, gây ô nhiễm môi trường trong quá

trình vận hành công trì thì lập báo cáo kiến nghị xử lý, gửi cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định;

Nếu cơ quan trực tiếp không xử lý thì kiến nghị lên cấp cao hơn;

Theo dõi việc xử lý các vấn đề đã kiến nghị và việc chấp hành các quyết định xử lý của các đối tượng liên quan.

7. Giám sát thi công, chất lượng công trình

7.1. Mục tiêu giám sát

Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định của các nhà thầu về quy trình, quy phạm kỹ thuật thi công công trình; thi công đúng hình dáng, kích thước, kết cấu công trình; sử dụng đúng chủng loại và định mức vật tư theo quy định tại Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt để bảo đảm về chất lượng công trình.

Phát hiện để ngăn chặn các việc làm vi phạm quy định, làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình.

7.2. Đối tượng giám sát

Chủ đầu tư; Ban QLDA; Nhà thầu thi công; Nhà thầu cung cấp vật tư, thiết bị, hàng hóa; Nhà thầu giám sát thi công (nếu có).

7.3. Nội dung giám sát

Cần tập trung vào các mặt sau đây:

- Tính pháp lý của Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật;
- Việc chấp hành của nhà thầu Tư vấn giám sát theo các điều khoản đã ký trong hợp đồng;
- Việc thực hiện các quy trình, quy phạm kỹ thuật của Nhà thầu thi công theo Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật quy định về đầu tư xây dựng;
- Hình dáng, kích thước, kết cấu công trình được thi công đúng với Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật;

7.4. Phương pháp giám sát

Kiểm tra Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt để xác định:

- Tổ chức lập Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật có đủ tư cách pháp nhân hay không (*được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật*)?
- Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật có đủ chữ ký và ghi rõ họ và tên của những người có trách nhiệm của tổ chức tư vấn thiết kế hay không (*gồm: người thực hiện; người kiểm tra; người phê duyệt Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật*)?
- Dấu đóng trên Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật và dấu đóng trong Hợp đồng tư vấn thiết kế có như nhau hay không?
- Quy mô công trình trong Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật và Dự toán công trình có khác với quy mô công trình và tổng mức đầu tư đã được phê duyệt hay không?

▪ Đơn giá hoặc định mức chi phí áp dụng trong Dự toán công trình có cao hơn giá thị trường hoặc đơn giá do các cơ quan có thẩm quyền ký ban hành hay không?

▪ Có báo cáo thẩm định của cơ quan Tư vấn thẩm định Thiết kế kỹ thuật và Tổng dự toán công trình hoặc của đơn vị chức năng hay không?

▪ Có văn bản phê duyệt Thiết kế kỹ thuật và Tổng dự toán công trình theo quy định hay không?

▪ Có nội dung không phù hợp với văn bản phê duyệt đầu tư công trình hay không?

Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện giám sát thi công và chất lượng công trình để xác định:

▪ Các nhân viên của tổ chức Tư vấn giám sát thi công có thực hiện đúng các điều khoản đã ký tại Hợp đồng tư vấn giám sát thi công hay không?

Theo dõi, kiểm tra việc cung cấp vật tư, thiết bị, hàng hóa chủ yếu cho công trình để xác định:

▪ Danh mục vật tư, vật liệu, thiết bị, hàng hóa được quy định tại Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Tổng dự toán công trình đã được phê duyệt có khác so với thực tế thi công hay không? (Nếu có thì lập biên bản ghi rõ sự khác nhau và yêu cầu đại diện các bên liên quan ký vào biên bản)

Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các quy trình, quy phạm kỹ thuật theo Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt để xác định:

▪ Danh mục các quy trình, quy phạm được quy định tại Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt; Danh mục các quy trình, quy phạm cần tập trung theo dõi, kiểm tra, các khâu cần theo dõi, kiểm tra và cách thực hiện việc theo dõi, kiểm tra đối với từng khâu (Cần phối hợp với tư vấn giám sát thi công để cùng thực hiện giám sát các quy trình, quy phạm phức tạp); Có quy trình, quy phạm kỹ thuật nào bị vi phạm hay không (Nếu có thì lập biên bản vi phạm quy trình, quy phạm kỹ thuật, nêu rõ tên quy trình, quy phạm bị vi phạm, khâu bị vi phạm, mức độ vi phạm, tên nhà thầu đã vi phạm và yêu cầu đại diện các bên có liên quan ký vào biên bản)? Nhà thầu thi công có thực hiện các cam kết về việc thực hiện đúng các quy trình, quy phạm kỹ thuật theo thiết kế hay không?

Theo dõi, kiểm tra hình dáng, kích thước, kết cấu công trình đã thực hiện theo Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt để xác định:

▪ Hình dáng, kích thước công việc có đúng với Hồ sơ báo cáo kinh tế-kỹ thuật hay không? (nếu đảm bảo thì lập biên bản).

▪ Nhà thầu thi công có thực hiện các cam kết về việc chỉnh sửa hình dáng, kích thước, kết cấu công trình đã tư vấn không đúng Hồ sơ báo cáo kinh tế-kỹ thuật hay không?

Theo dõi, kiểm tra các danh mục khối lượng công việc đã thực hiện để xác định:

▪ Theo dõi, kiểm tra danh mục khối lượng công việc đã thực hiện theo Hồ sơ báo cáo kinh tế-kỹ thuật và chất lượng thực hiện (*Cần phối hợp với tư vấn giám sát thi công để cùng thực hiện giám sát các hạng mục công trình phức tạp*);

▪ Có danh mục công việc nào không bảo đảm về khối lượng, chất lượng theo đúng Hồ sơ báo cáo kinh tế-kỹ thuật hay không? hay không (*Nếu có thì lập biên bản vi phạm về khối lượng đã phát hiện, nêu rõ tên hạng mục bị vi phạm, mức độ vi phạm, tên nhà thầu đã vi phạm và yêu cầu đại diện các bên liên quan ký vào biên bản*)?

▪ Có khối lượng công việc nào không bảo đảm về chất lượng công trình theo đúng thiết kế thi công hay không (*Nếu có thì lập biên bản vi phạm về chất lượng công trình đã phát hiện, nêu rõ tên hạng mục bị vi phạm, mức độ vi phạm, tên nhà thầu đã vi phạm và yêu cầu đại diện các bên liên quan ký vào biên bản*)?

▪ Nhà thầu thi công có thực hiện các cam kết về việc bổ sung khối lượng công việc đã thực hiện chưa, có bảo đảm theo đúng thiết kế thi công hay không?

7.5. Công cụ dùng để giám sát

Tài liệu pháp lý:

Hồ sơ đầu tư công trình đã được phê duyệt; Văn bản phê duyệt đầu tư công trình; Hồ sơ báo cáo kinh tế-kỹ thuật công trình đã được phê duyệt; Hợp đồng thi công công trình; Hợp đồng tư vấn giám sát thi công;

Các văn bản quy định về các quy trình, quy phạm, định mức vật tư, đơn giá xây lắp của các cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định;

Các loại biên bản có đủ chữ ký của đại diện các bên có liên quan về việc vi phạm quy định trong quá trình thi công công trình.

Các tài liệu khác có liên quan:

Các danh mục do Nhóm quản lý giám sát thôn/bản lập ra trên cơ sở nghiên cứu Hồ sơ báo cáo kinh tế-kỹ thuật; các Biểu mẫu đã lập trước đó; Nhật ký theo dõi, thi công công trình;

Các văn bản phản ánh về việc thi công công trình.

Các dụng cụ kiểm tra thực đo: Máy ảnh (ghi lại hình ảnh che khuất), thước đo.

7.6. Tổ chức thực hiện giám sát

Thu thập các tài liệu như đã nêu ở trên (hoặc xác định địa chỉ nơi lưu giữ các tài liệu để tham khảo khi cần thiết);

Phối hợp với tư vấn giám sát thi công hoặc cá nhân có năng lực, nghiên cứu Hồ sơ báo cáo kinh tế-kỹ thuật, xác định và lập các danh mục như đã nêu ở trên; xác định công việc có tính chất phức tạp, cần phối hợp với tư vấn giám sát thi công để cùng thực hiện giám sát.

Thông báo trước cho Tư vấn giám sát thi công, Nhà thầu thi công biết Ban giám sát đầu tư của cộng đồng (hoặc nhân dân) sẽ theo dõi, kiểm tra các nội dung đã xác định trong suốt quá trình thi công công trình.

Thường xuyên phối hợp với Nhà thầu thi công, nắm kế hoạch thi công để phối hợp cùng thực hiện giám sát trong suốt quá trình thi công công trình và ghi chép các kết quả theo dõi, kiểm tra.

Khi phát hiện có sự mâu thuẫn giữa các thông tin liên quan trong các văn bản liên quan về công trình, việc làm vi phạm quy định thì lập báo cáo kiến nghị xử lý, gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định;

Nếu cơ quan trực tiếp không xử lý thì kiến nghị lên cấp cao hơn;

Theo dõi việc xử lý các vấn đề đã kiến nghị và việc chấp hành các quyết định xử lý của các đối tượng liên quan.

8. Giám sát việc nghiệm thu, bàn giao công trình

8.1. Mục tiêu giám sát

Theo dõi, kiểm tra và xác định khối lượng các công việc đã thực hiện; làm rõ trách nhiệm của các bên liên quan đối với các phần việc liên quan trong quá trình thi công công trình cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa công trình vào vận hành nhằm bảo đảm công trình được thi công đúng thiết kế thi công và bảo đảm về chất lượng công trình.

Phát hiện để ngăn ngừa kịp thời những hành vi vi phạm về khối lượng và chất lượng công trình đã thực hiện trong các lần nghiệm thu, bàn giao từng hạng mục của công trình.

8.2. Đối tượng giám sát

Chủ đầu tư; Ban QLDA ; Tư vấn thiết kế; Nhà thầu thi công; Tư vấn giám sát thi công.

8.3. Nội dung giám sát

- Kế hoạch nghiệm thu, bàn giao công trình;
- Việc tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình theo trình tự, thủ tục quy định;
- Việc thực hiện bổ sung các khối lượng công việc còn thiếu hoặc không bảo đảm về chất lượng so với thiết kế thi công và Hợp đồng thầu đã ký.

8.4. Phương pháp giám sát

Nghiên cứu Hồ sơ báo cáo kinh tế-kỹ thuật, xác định Danh mục các khối lượng công việc cần thực hiện giám sát việc nghiệm thu, bàn giao công trình (đặc biệt là các khối lượng công việc ngầm hoặc che khuất); kiểm tra, so sánh Danh mục đã được xác định nêu trên với Kế hoạch nghiệm thu, bàn giao công trình do Chủ đầu tư, Ban QLDA và Nhà thầu thi công đã xác định, yêu cầu Chủ đầu tư, Ban QLDA và Nhà thầu thi công bổ sung vào Kế hoạch những hạng mục công trình còn thiếu; nếu Chủ đầu tư, Ban QLDA và Nhà thầu thi công không bổ sung theo

yêu cầu thì kiến nghị cấp có thẩm quyền buộc Chủ đầu tư, Ban QLDA và Nhà thầu thi công bổ sung vào Kế hoạch những hạng mục còn thiếu.

Theo dõi, kiểm tra để xác định:

▪ Chủ đầu tư, Ban QLDA, Nhà thầu có thông báo Kế hoạch nghiệm thu, bàn giao các hạng mục công trình cho Nhóm quản lý giám sát thôn/bản và đại diện các tổ chức có liên quan hay không?

▪ Danh mục các hạng mục công trình do Chủ đầu tư, Ban QLDA và Nhà thầu thi công đề xuất có khác với Danh mục các hạng mục công trình cần giám sát do Nhóm giám sát thôn đã xác định hay không?

▪ Chủ đầu tư, Ban QLDA, Nhà thầu thi công có chấp nhận bổ sung các hạng mục công trình không có trong Kế hoạch nghiệm thu, bàn giao công trình do Nhóm giám sát thôn đã yêu cầu bổ sung hay không?

▪ Chủ đầu tư, Ban QLDA, Nhà thầu thi công có thực hiện nghiệm thu, bàn giao công trình theo đúng Kế hoạch và Danh mục các hạng mục công trình đã được Nhóm giám sát thôn xác định hay không?

▪ Việc nghiệm thu, bàn giao công trình có đúng thủ tục, trình tự quy định hay không?

▪ Có khối lượng công việc bị tính trùng lặp giữa các lần nghiệm thu, bàn giao công trình hay không?

▪ Chủ đầu tư, Ban QLDA, Nhà thầu thi công có chấp nhận loại bỏ các khối lượng đã bị tính trùng lặp hay không?

▪ Có hạng mục công trình nào không bảo đảm về khối lượng công việc theo đúng Thiết kế thi công hay không ?

▪ Chủ đầu tư, Ban QLDA, Nhà thầu thi công có thực hiện các cam kết về việc bổ sung khối lượng công việc chưa bảo đảm theo đúng Thiết kế thi công hay không?

▪ Có hạng mục công trình nào không bảo đảm về chất lượng công trình theo đúng Thiết kế thi công hay không ?

▪ Chủ đầu tư, Ban QLDA, Nhà thầu thi công có thực hiện các cam kết về việc thực hiện bổ sung các giải pháp bảo đảm về chất lượng công trình theo đúng Thiết kế thi công hay không?

8.5. Công cụ dùng để giám sát

Hồ sơ báo cáo kinh tế-kỹ thuật và Tổng dự toán công trình đã được phê duyệt; Kế hoạch nghiệm thu, bàn giao công trình đã được các bên có liên quan đã thống nhất; các hồ sơ nghiệm thu, bàn giao công trình; các biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình; nhật ký theo dõi, thi công công trình; các giấy tờ, văn bản khác có liên quan trong quá trình thi công công trình.

Các dụng cụ đo lường đơn giản: thước mét.

8.6. Tổ chức thực hiện giám sát

Thu thập các tài liệu như đã nêu ở trên (hoặc xác định địa chỉ lưu giữ để có thể tham khảo khi cần thiết);

Phối hợp với tư vấn giám sát thi công nếu có (hoặc cá nhân có chức năng) nghiên cứu Hồ sơ báo cáo kinh tế-kỹ thuật, xác định Danh mục các hạng mục công trình (hoặc phần việc) cần thực hiện giám sát;

Yêu cầu Chủ đầu tư, Ban QLDA và Nhà thầu thi công bổ sung, hoàn chỉnh Kế hoạch nghiệm thu, bàn giao các hạng mục công trình;

Xác định các vấn đề có tính chất phức tạp, cần nhờ tư vấn giám sát thi công hỗ trợ hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giao tổ chức, cá nhân có chức năng hỗ trợ;

Thường xuyên phối hợp với Chủ đầu tư, Ban QLDA và Nhà thầu thi công để nắm Kế hoạch nghiệm thu, bàn giao công trình để phối hợp cùng tham gia trong các lần nghiệm thu, bàn giao công trình;

Tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nghiệm thu, bàn giao công trình theo Kế hoạch nghiệm thu, bàn giao công trình đã được thống nhất;

Phát hiện những việc làm vi phạm quy định, lập báo cáo kiến nghị xử lý, gửi cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định;

Nếu cơ quan trực tiếp không xử lý thì kiến nghị lên cấp cao hơn;

Theo dõi việc xử lý các vấn đề đã kiến nghị và việc chấp hành các quyết định xử lý của các đối tượng liên quan.

PHỤ LỤC

Mẫu số 01/BTTND

Ủy ban MTTQ..... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Ban công tác Mặt trận **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN DỰ KIẾN NGƯỜI ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN TTND

Hội....., giờ.....ngày.....tháng.....năm...201..., tại.....
Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố.....họp thảo luận, giới thiệu người để đưa ra Hội nghị cử tri của thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố bầu làm thành viên Ban TTND xã, phường, thị trấn.

1- Tổng số người được triệu tập:người.

- Số người có mặt:.....người, vắng..... người có lý do.

- Chủ tọa Hội nghị:

- Thư ký Hội nghị:.....

2 - Hội nghị tiến hành với nội dung như sau:

- Nghe ông (bà)

Trưởng ban công tác Mặt trận thông báo số lượng thành viên Ban TTND được bầu; giới thiệu tiêu chuẩn thành viên Ban TTND và nêu dự kiến giới thiệu người ứng cử.

- Căn cứ tiêu chuẩn thành viên Ban TTND và điều kiện ứng cử theo quy định tại Điều 3, Nghị định 159/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban TTND. Hội nghị đã thảo luận, nhận xét đối với những người được giới thiệu ứng cử.

Hội nghị nhất trí dự kiến các ông (bà) có tên sau đây để đưa ra Hội nghị cử tri của thôn, tổ dân phố để bầu làm thành viên Ban TTND xã, phường, thị trấn.

1.....

2.....

Hội nghị kết thúc hồi....., giờ.....

THƯ KÝ HỘI NGHỊ

(ký tên)

(Ghi rõ họ và tên)

CHỦ TOẠ HỘI NGHỊ

(ký tên)

(Ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU
THÀNH VIÊN BAN THANH TRA NHÂN DÂN

Hôm.....giờ.....ngàythángnăm 201...., Ban kiểm phiếu bầu thành viên Ban TTND tại thôn, tổ dân phố.....gồm các ông, bà có tên sau đây:

1. Ông (bà) Tổ trưởng
2. Ông (bà) Thư ký
3. Ông (bà) Thành viên

đã tiến hành kiểm phiếu bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân.

Trước khi Ban kiểm phiếu mở hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố kết thúc việc bỏ phiếu và mời hai cử tri, không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu là:

1. Ông (bà)..... Nơi cư trú (nơi ở hiện nay)
2. Ông, (bà).....Nơi cư trú (nơi ở hiện nay).....

Kết quả kiểm phiếu như sau :

- Tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ của thôn, tổ dân phố có người
- Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu.người, =% tổng số cử tri.
vắng người có lý do.

- Số phiếu phát ra : phiếu

- Số phiếu thu về : phiếu

- Số phiếu hợp lệ : phiếu

- Số phiếu không hợp lệ : phiếu

- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử như sau:

1. Ông (bà)đượcphiếu ; =%
2. Ông (bà)đượcphiếu ; =%

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Tổ kiểm phiếu và 02 người chứng kiến việc kiểm phiếu để gửi đến Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã, Trưởng Ban công tác Mặt trận và Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố giữ 01 bản.

Hai cử tri chứng kiến việc kiểm phiếu

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

Các thành viên Ban kiểm phiếu

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

Ủy ban MTTQ.....
Ban công tác Mặt trận

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... , ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ BẦU THÀNH VIÊN BAN GSDTCCĐ

Hội, giờ ngày tháng năm 201..., tại đã diễn ra Hội nghị cử tri của thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố bầu thành viên Ban GSDTCCĐ xã, phường, thị trấn.

1. Tổng số người được triệu tập:người.

- Số người có mặt:.....người, vắng..... người có lý do.

- Chủ tọa Hội nghị:

- Thư ký Hội nghị:

2. Hội nghị tiến hành với nội dung như sau:

- Nghe ông (bà)

Trưởng ban công tác Mặt trận thông báo số lượng thành viên Ban GSDTCCĐ được bầu và giới thiệu tiêu chuẩn thành viên Ban GSDTCCĐ, báo cáo danh sách dự kiến giới thiệu người ứng cử ; cử tri giới thiệu người ứng cử, tự ứng cử (nếu có);

- Căn cứ tiêu chuẩn thành viên Ban GSDTCCĐ. Hội nghị thảo luận, nhận xét đối với những người được giới thiệu ứng cử .

3. Chủ tọa Hội nghị ấn định danh sách chính thức những người có tên sau đây để đưa ra Hội nghị cử tri của thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố để bầu làm thành viên Ban GSDTCCĐ xã, phường, thị trấn :

1.....

2.....

4. Kết quả bầu cử:

Hội nghị kết thúc hồi....., giờ.....

THƯ KÝ HỘI NGHỊ

(ký tên)

(Ghi rõ họ và tên)

CHỦ TỌA HỘI NGHỊ

(ký tên)

(Ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN GSĐTCCĐ

Hồi, giờ..... ngàythángnăm 201.... Ban kiểm phiếu bãi nhiệm thành viên Ban GSĐTCCĐ tại thôn, tổ dân phố gồm các ông, bà có tên sau đây :

1. Ông (bà) Tổ trưởng
2. Ông (bà) Thư ký
3. Ông (bà) Thành viên

đã tiến hành kiểm phiếu bãi nhiệm thành viên Ban GSĐTCCĐ.

Trước khi Ban kiểm phiếu mở hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố kết thúc việc bỏ phiếu bãi nhiệm và mời hai cử tri, không phải là người bị bãi nhiệm có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu là:

1. Ông (bà) Nơi cư trú (nơi ở hiện nay)
2. Ông (bà)..... Nơi cư trú (nơi ở hiện nay)

Kết quả kiểm phiếu bãi nhiệm như sau :

- Tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ của thôn, tổ dân phố có người, vắng người có lý do.

- Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu. người, =% tổng số cử tri.

- Số phiếu phát ra : phiếu

- Số phiếu thu về : phiếu

- Số phiếu hợp lệ : phiếu

- Số phiếu không hợp lệ : phiếu

- Số phiếu của từng người như sau:

1. Ông, bàcóphiếu ; =%

2. Ông, bà cóphiếu ; =%

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và 02 người chứng kiến việc kiểm phiếu để gửi đến Ban thường trực Ủy ban MTTQ xã, phường, thị trấn, Trưởng Ban công tác Mặt trận và Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố giữ 01 bản.

Hai cử tri chứng kiến việc kiểm phiếu

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

Các thành viên Ban kiểm phiếu

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

Ủy ban MTTQ..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Ban công tác Mặt trận **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
..... , ngày ... tháng ... năm 20...

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ
BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN GSĐTCCĐ**

Hội.....giờ.....ngày.....tháng.....năm..200...,tại.....đã
diễn ra Hội nghị cử tri của thôn, ấp, bản, tổ dân phố bãi nhiệm thành viên Ban
GSĐTCCĐ xã, phường, thị trấn.

1. Tổng số người được triệu tập:người.

- Số người có mặt:.....người, vắng..... người có lý do.

- Chủ toạ Hội nghị:.....

- Thư ký Hội nghị:.....

2. Hội nghị tiến hành với nội dung như sau:

- Nghe ông (bà)

Trưởng ban công tác Mặt trận đọc tiêu chuẩn thành viên Ban GSĐTCCĐ và
nêu rõ lý do đưa ra Hội nghị để bãi nhiệm;

- Căn cứ tiêu chuẩn thành viên Ban GSĐTCCĐ và điều kiện ứng cử theo quy
định. Hội nghị thảo luận, nhận xét đối với người bị bãi nhiệm và tiến hành bỏ
phiếu để bãi nhiệm thành viên Ban GSĐTCCĐ xã, phường, thị trấn đối với ông
(bà):

1.....

2.....

3. Kết quả bãi nhiệm:

Hội nghị kết thúc hồi....., giờ.....

THƯ KÝ HỘI NGHỊ

(ký tên)

(Ghi rõ họ và tên)

CHỦ TOẠ HỘI NGHỊ

(ký tên)

(Ghi rõ họ và tên)

Phần III.

TRÍCH DẪN QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THANH TRA NHÂN DÂN VÀ GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

I. QUY ĐỊNH VỀ THANH TRA NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

1. Luật Thanh tra năm 2010

Điều 65. Tổ chức Thanh tra nhân dân

Thanh tra nhân dân được tổ chức dưới hình thức Ban thanh tra nhân dân (Ban TTND).

Ban TTND được thành lập ở xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước.

Điều 66. Nhiệm vụ của Ban thanh tra nhân dân

Ban TTND có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước.

Điều 67. Quyền hạn của Ban thanh tra nhân dân

1. Kiến nghị người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

2. Khi cần thiết, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước giao xác minh những vụ việc nhất định.

3. Kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước khắc phục sơ hở, thiếu sót được phát hiện qua việc giám sát; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và người lao động, biểu dương những đơn vị, cá nhân có thành tích. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 68. Tổ chức Ban TTND ở xã, phường, thị trấn

1. Ban TTND ở xã, phường, thị trấn do Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân tại thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố bầu.

Căn cứ vào địa bàn và số lượng dân cư, mỗi Ban TTND ở xã, phường, thị trấn có từ 05 đến 11 thành viên.

Thành viên Ban TTND không phải là người đương nhiệm trong Ủy ban nhân dân cấp xã.

Nhiệm kỳ của Ban TTND ở xã, phường, thị trấn là 02 năm.

2. Trong nhiệm kỳ, thành viên Ban TTND không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không còn được nhân dân tín nhiệm thì Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn (Ủy ban MTTQ Việt Nam) đề nghị Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân đã bầu ra thành viên đó bãi nhiệm và bầu người khác thay thế.

Điều 69. Hoạt động của Ban TTND ở xã, phường, thị trấn

1. Ban TTND ở xã, phường, thị trấn do Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp trực tiếp chỉ đạo hoạt động.

2. Ban TTND căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn, chương trình hành động và sự chỉ đạo của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn đề ra phương hướng, nội dung kế hoạch hoạt động của mình.

3. Ban TTND có trách nhiệm báo cáo về hoạt động của mình với Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn. Khi cần thiết, Trưởng Ban TTND được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn.

Điều 70. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thông báo cho Ban TTND những chính sách, pháp luật chủ yếu liên quan đến tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; các mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương.

2. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân.

3. Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị đó; xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban TTND hoặc người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban thanh tra nhân dân.

4. Thông báo cho Ban TTND kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện pháp luật về dân chủ cơ sở.

5. Hỗ trợ kinh phí, phương tiện để Ban TTND hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 71. Trách nhiệm của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn

1. Hướng dẫn việc tổ chức Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân ở thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố bầu Ban thanh tra nhân dân.

2. Ra văn bản công nhận Ban TTND và thông báo cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và nhân dân ở địa phương; tổ chức cuộc họp của Ban TTND để Ban TTND bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

2. Hướng dẫn Ban TTND xây dựng chương trình, nội dung công tác; định kỳ nghe báo cáo về hoạt động của Ban thanh tra nhân dân; đôn đốc việc giải quyết những kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân.

4. Động viên nhân dân ở địa phương ủng hộ, phối hợp; tham gia các hoạt động của Ban thanh tra nhân dân.

5. Xác nhận biên bản, kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân.

2. Nghị định 159/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ

Điều 6. Tổ chức Ban thanh tra nhân dân

1. Tổ chức Ban TTND ở xã, phường, thị trấn được thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thanh tra.

2. Thành viên Ban TTND ở xã, phường, thị trấn do Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân tại thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố bầu.

3. Ban TTND có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban thanh tra nhân dân. Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ. Các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

4. Nhiệm kỳ của Ban TTND ở xã, phường, thị trấn là hai năm.

Điều 7. Số lượng thành viên Ban thanh tra nhân dân

1. Ban TTND ở xã, phường, thị trấn có từ 5 đến 11 thành viên.

Đối với những xã, phường, thị trấn ở đồng bằng có số dân dưới 5 nghìn người thì được bầu 5 hoặc 7 thành viên; từ 5 nghìn người đến dưới 9 nghìn người thì được bầu 7 hoặc 9 thành viên; từ 9 nghìn người trở lên thì được bầu 9 hoặc 11 thành viên.

Đối với những xã, phường, thị trấn ở miền núi, trung du và hải đảo, mỗi thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố được bầu 1 thành viên, nhưng số lượng thành viên Ban TTND không quá 11 người.

2. Căn cứ vào địa bàn, số lượng dân cư, Ban thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn quyết định số lượng thành viên Ban TTND ở xã, phường, thị trấn.

Điều 8. Bầu thành viên Ban thanh tra nhân dân

1. Căn cứ vào số lượng thành viên Ban TTND ở xã, phường, thị trấn, Ban thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn xác định số lượng thành viên Ban TTND mà thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố được bầu.

2. Trưởng Ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân ở thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố để bầu thành viên Ban thanh tra nhân dân.

3. Thành viên Ban TTND được bầu theo sự giới thiệu của Ban công tác Mặt trận và theo đề cử của đại biểu tham dự Hội nghị. Thành viên Ban TTND được bầu bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do Hội nghị quyết định.

4. Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân được tiến hành khi có trên 50% số đại biểu được triệu tập có mặt. Người được trúng cử làm thành viên

Ban TTND phải có trên 50% số đại biểu tham dự Hội nghị tín nhiệm và được lựa chọn theo thứ tự số phiếu từ cao xuống thấp.

Trưởng Ban công tác Mặt trận có trách nhiệm báo cáo kết quả bầu cử với Ban thường trực Ủy ban MTTQ xã, phường, thị trấn.

Điều 9. Công nhận Ban thanh tra nhân dân

Chậm nhất là 5 ngày kể từ ngày bầu xong thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn tổ chức cuộc họp với các thành viên Ban TTND để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban, trình Hội nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp ra Nghị quyết công nhận Ban TTND và thông báo cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp trong phiên họp gần nhất, niêm yết kết quả công nhận Ban TTND tại trụ sở và thông báo cho nhân dân địa phương biết.

Điều 10. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban TTND và bầu thành viên thay thế

1. Trong nhiệm kỳ, nếu thành viên Ban TTND không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không còn được nhân dân tín nhiệm thì Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn đề nghị Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân bãi nhiệm và bầu người khác thay thế.

2. Trường hợp vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc lý do khác, thành viên Ban TTND có đơn xin thôi tham gia Ban TTND hoặc thành viên Ban TTND trở thành người đương nhiệm trong Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc thay đổi nơi thường trú đến địa phương khác theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này thì Ban thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn báo cáo Hội nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp tạm thời cho thôi nhiệm vụ và báo cáo Hội nghị nhân dân hoặc hội nghị đại biểu nhân dân gần nhất quyết định việc miễn nhiệm thành viên đó và bầu người khác thay thế.

3. Trường hợp thành viên Ban TTND bị bãi nhiệm hoặc được miễn nhiệm, nếu Ban TTND còn từ 2/3 thành viên trở lên thì Ban TTND vẫn hoạt động bình thường.

4. Việc bầu thành viên Ban TTND thay thế những người bị bãi nhiệm hoặc được miễn nhiệm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban TTND và Trưởng Ban thanh tra nhân dân

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban thanh tra nhân dân:

a) Giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn trong việc thực hiện chính sách, pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở theo quy định tại Điều 13 Nghị định này. Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì kiến nghị người

có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó;

b) Xác minh những vụ việc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn giao;

c) Tham gia việc thanh tra, kiểm tra tại xã, phường, thị trấn theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cung cấp thông tin, tài liệu, cử người tham gia khi được yêu cầu;

d) Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xử lý vi phạm theo thẩm quyền và khắc phục sơ hở, thiếu sót được phát hiện qua hoạt động giám sát, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan tổ chức, đơn vị;

đ) Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn các hình thức động viên, biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân phát hiện sai phạm và có thành tích trong công tác;

e) Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến phạm vi giám sát của Ban thanh tra nhân dân;

g) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do pháp luật quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn Trưởng Ban thanh tra nhân dân:

a) Triệu tập, chủ trì các cuộc họp, hội nghị; chủ trì các cuộc giám sát, xác minh thuộc thẩm quyền của Ban thanh tra nhân dân;

b) Phân công nhiệm vụ cho thành viên Ban thanh tra nhân dân;

c) Đại diện cho Ban TTND trong mối quan hệ với Ban thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan;

d) Được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có nội dung liên quan đến nhiệm vụ giám sát, xác minh của Ban thanh tra nhân dân;

đ) Tham dự các cuộc họp của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn có nội dung có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban thanh tra nhân dân.

Điều 12. Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban thanh tra nhân dân

1. Hằng năm, Ban TTND căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn, chương trình hành động và sự chỉ đạo của Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động.

2. Chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban TTND phải báo cáo Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn.

Điều 13. Phạm vi giám sát của Ban thanh tra nhân dân

1. Hoạt động của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

2. Việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

3. Hoạt động của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các ủy viên Ủy ban nhân dân, cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn và Trưởng thôn, Phó trưởng thôn, Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố và những người đảm nhận nhiệm vụ tương đương.

4. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại xã, phường, thị trấn:

a) Công tác tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

b) Việc tiếp nhận và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

c) Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

d) Việc thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo có hiệu lực pháp luật tại xã, phường, thị trấn.

5. Việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn.

6. Việc thu, chi ngân sách, quyết toán ngân sách, công khai tài chính tại xã, phường, thị trấn.

7. Việc thực hiện các dự án đầu tư, công trình do nhân dân đóng góp xây dựng, do nhà nước, các tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho xã, phường, thị trấn.

8. Các công trình triển khai trên địa bàn xã, phường, thị trấn có ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, an ninh, trật tự, văn hóa - xã hội, vệ sinh môi trường và đời sống của nhân dân.

9. Việc quản lý trật tự xây dựng, quản lý các khu tập thể, khu dân cư, việc quản lý và sử dụng đất đai tại xã, phường, thị trấn.

10. Việc thu, chi các loại quỹ và lệ phí theo quy định của nhà nước, các khoản đóng góp của nhân dân tại xã, phường, thị trấn.

11. Việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc xử lý các vụ việc tham nhũng liên quan đến cán bộ xã, phường, thị trấn.

12. Việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi, chăm sóc, giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với đất nước, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo trợ xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

13. Những việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Phương thức thực hiện quyền giám sát của Ban TTND

1. Tiếp nhận các ý kiến phản ánh của nhân dân, trực tiếp thu thập các thông tin, tài liệu để xem xét, theo dõi cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn thực hiện những việc thuộc phạm vi giám sát của Ban TTND.

2. Phát hiện hành vi trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở xã, phường, thị trấn.

3. Kiến nghị trực tiếp hoặc thông qua Ban thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn kiến nghị với Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung giám sát của Ban TTND và giám sát việc giải quyết kiến nghị đó.

Điều 15. Hoạt động giám sát của Ban TTND

1. Chậm nhất là 5 ngày trước khi tiến hành một cuộc giám sát, Ban TTND phải có kế hoạch gửi Ban thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Kế hoạch phải nêu rõ nội dung, thời gian, địa điểm giám sát; nhân sự tham gia cuộc giám sát; kinh phí và điều kiện bảo đảm cho việc giám sát.

2. Trong quá trình thực hiện việc giám sát, Ban TTND có quyền đề nghị Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát.

3. Trường hợp phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân và có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, sử dụng sai mục đích tài sản nhà nước, ngân sách nhà nước và các khoản đóng góp của nhân dân; thực hiện chương trình, dự án, quản lý và sử dụng đất đai trái với các quy định của pháp luật và các hành vi vi phạm pháp luật khác thuộc phạm vi giám sát của Ban TTND thì Ban TTND kiến nghị Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết, đồng thời báo cáo với Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho Ban thanh tra nhân dân. Trường hợp kiến nghị không được xem xét, giải quyết hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ban TTND có quyền kiến nghị Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết, xử lý trách nhiệm.

Điều 16. Hoạt động xác minh của Ban TTND

1. Khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn giao xác minh những vụ việc nhất định, Ban TTND có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung, thời gian, phạm vi, nhiệm vụ được giao.

2. Trong quá trình thực hiện việc xác minh, Ban TTND có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho việc xác minh; xem xét để làm rõ sự việc cần xác minh; việc xác minh được lập thành biên bản.

Kết thúc việc xác minh, Ban TTND báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về kết quả xác minh; đồng thời kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân cần phải xử lý ngay thì lập biên bản và kiến nghị Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết, đồng thời giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả cho Ban TTND biết. Trường hợp kiến nghị đó không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ban TTND có quyền kiến nghị Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh xem xét, giải quyết, xử lý trách nhiệm.

Điều 17. Chế độ làm việc của Ban TTND

Ban TTND họp định kỳ mỗi quý một lần để kiểm điểm công tác trong quý và triển khai công tác quý sau, trong trường hợp cần thiết có thể họp đột xuất.

Ban TTND thực hiện chế độ báo cáo mỗi quý một lần trước Hội nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn; định kỳ 6 tháng một lần tiến hành sơ kết; hằng năm tổng kết hoạt động và báo cáo trước Hội nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn

1. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 71 Luật thanh tra.
2. Xem xét, giải quyết và đôn đốc việc giải quyết kịp thời kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân.
3. Chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cho thành viên Ban thanh tra nhân dân. Chủ trì việc tổ chức phối hợp giữa các tổ chức thành viên của Mặt trận để hỗ trợ hoạt động cho Ban thanh tra nhân dân.
4. Mời đại diện Ban TTND tham dự cuộc họp của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn có nội dung liên quan đến hoạt động của Ban thanh tra nhân dân.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 70 Luật thanh tra.
2. Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân. Trường hợp nội dung kiến nghị vượt quá thẩm quyền thì báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết, xử lý, đồng thời thông báo cho Ban TTND biết.
3. Xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật, cản trở hoạt động qua Ban thanh tra nhân dân, đe dọa, trả thù, trù dập thành viên Ban thanh tra nhân dân.

4. Mời đại diện Ban TTND tham dự các cuộc họp của Ủy ban nhân dân có nội dung liên quan đến nhiệm vụ giám sát của Ban thanh tra nhân dân.

5. Cấp kinh phí cho Ban TTND theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tạo điều kiện thuận lợi để Ban TTND hoạt động.

Điều 20. Trách nhiệm của Thanh tra huyện

Thanh tra huyện có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp hướng dẫn nghiệp vụ công tác cho các Ban TTND ở xã, phường, thị trấn.

Điều 21. Kinh phí và chế độ tài chính của Ban TTND

1. Kinh phí hoạt động của Ban TTND do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cân đối cho ngân sách cấp xã để Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho Ban TTND hoạt động.

2. Kinh phí hoạt động của Ban TTND được sử dụng để chi cho việc tổ chức các cuộc giám sát; các cuộc xác minh, cuộc họp; chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên và cho hoạt động khác của Ban TTND theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm ban hành Thông tư hướng dẫn về kinh phí hoạt động của Ban TTND ở xã, phường, thị trấn.

II. QUY ĐỊNH VỀ GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

1. Luật Đầu tư công năm 2019

Điều 74. Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Các chương trình, dự án chịu sự giám sát của cộng đồng. MTTQ Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng (GSĐTCCĐ) và phản biện xã hội.

2. Cơ quan chủ quản tham khảo, giải trình, tiếp thu ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án đối với việc quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án có quy mô di dân, tái định canh, định cư lớn, dự án có nguy cơ tác động lớn đến môi trường, dự án có ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án về chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định canh, định cư theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung GSĐTCCĐ bao gồm:

a) Việc chấp hành quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường;

b) Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định canh, định cư bảo đảm quyền lợi của Nhân dân;

c) Các chương trình, dự án sử dụng một phần vốn đóng góp của người dân;

d) Tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án;

đ) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong đầu tư công theo quy định tại Điều 14 của Luật này;

e) Phát hiện những việc làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án; những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án.

Điều 75. Trình tự, thủ tục, quy trình GSĐTCCĐ

1. MTTQ Việt Nam chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan thực hiện các nội dung sau đây:

a) Lập kế hoạch GSĐTCCĐ đối với chương trình, dự án hằng năm trên địa bàn theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 74 của Luật này;

b) Thành lập Ban GSĐTCCĐ cho từng chương trình, dự án;

c) Thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư và Ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch giám sát và thành phần Ban GSĐTCCĐ chậm nhất 45 ngày trước ngày thực hiện.

2. Chủ chương trình, chủ đầu tư và Ban quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện chương trình, dự án quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật này cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng;

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban GSĐTCCĐ thực hiện việc giám sát theo quy định của pháp luật;

c) Tiếp thu ý kiến giám sát và tăng cường các biện pháp thực hiện dự án.

Điều 87. Nhiệm vụ, quyền hạn của MTTQ Việt Nam

1. Chủ trì tổ chức GSĐTCCĐ và phản biện xã hội đối với các chương trình, dự án theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 74 của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng về chủ trương đầu tư các chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật này và theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

III. NGHỊ ĐỊNH 84/2015/NĐ-CP NGÀY 30/9/2015

Điều 49. Quyền giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Công dân có quyền giám sát các dự án đầu tư thông qua Ban GSĐTCCĐ; trình tự, thủ tục, quy trình GSĐTCCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật Đầu tư công và Nghị định này.

2. Ban GSĐTCCĐ được quyền:

a) Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng, quy hoạch xây dựng chi tiết các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp và kế hoạch đầu tư có liên quan

trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật;

b) Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu chủ chương trình, chủ đầu tư trả lời, cung cấp các thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư: Quyết định đầu tư; thông tin về chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, địa chỉ liên hệ; tiến độ và kế hoạch đầu tư; diện tích chiếm đất và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; phương án xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

Đối với các chương trình, dự án đầu tư có nguồn vốn và công sức của cộng đồng, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã, ngoài các nội dung trên, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thêm thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, chủng loại và định mức vật tư; kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình;

d) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp các tài liệu tại các Điểm a, b, c Khoản này cho Ban GSĐTCCĐ.

3. Kiến nghị các cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đầu tư, vận hành dự án trong các trường hợp sau:

a) Phát hiện thấy dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện dự án gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, an ninh, văn hóa - xã hội, môi trường sinh sống của cộng đồng;

b) Chủ đầu tư không thực hiện công khai thông tin về chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

4. Phản ánh với các cơ quan nhà nước về kết quả GSĐTCCĐ và kiến nghị biện pháp xử lý.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cụ thể về điều kiện, trình tự thủ tục và xử lý bồi thường (nếu có) khi đình chỉ hoặc dừng thực hiện dự án đầu tư để áp dụng thống nhất trong phạm vi cả nước.

Điều 50. Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Nội dung GSĐTCCĐ đối với chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; dự án đầu tư sử dụng vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản nhà nước, giá trị quyền sử dụng đất, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước.

a) Theo dõi, kiểm tra sự phù hợp của quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch liên quan và kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật;

b) Theo dõi, kiểm tra việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về: Chỉ giới đất đai và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng; xử

lý chất thải, bảo vệ môi trường; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; tiến độ, kế hoạch đầu tư;

c) Phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành dự án;

d) Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án;

đ) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đầu tư.

2. Nội dung GSĐTCCĐ đối với các dự án đầu tư từ nguồn vốn khác thực hiện theo các Điểm a, b, c, đ Khoản 1 Điều này.

3. Nội dung GSĐTCCĐ đối với các chương trình, dự án đầu tư có nguồn vốn và công sức của cộng đồng, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã.

a) Thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Theo dõi, kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định; theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.

Điều 51. Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã:

a) Chủ trì thành lập Ban GSĐTCCĐ cho từng chương trình, dự án. Thành phần của Ban ít nhất là 05 người, gồm đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã, TTND và đại diện người dân trên địa bàn;

b) Lập kế hoạch GSĐTCCĐ đối với các chương trình, dự án trên địa bàn và thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch và thành phần Ban GSĐTCCĐ chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện;

c) Hướng dẫn Ban GSĐTCCĐ xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật và Nghị định này; hỗ trợ Ban GSĐTCCĐ trong việc thông tin liên lạc, lập và gửi các Báo cáo GSĐTCCĐ;

d) Hướng dẫn, động viên cộng đồng tích cực thực hiện quyền giám sát đầu tư theo quy định của Nghị định này;

đ) Xác nhận các văn bản phản ánh, kiến nghị của Ban GSĐTCCĐ trước khi gửi các cơ quan có thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã căn cứ điều kiện của xã, bố trí địa điểm làm việc để Ban GSĐTCCĐ tổ chức các cuộc họp và lưu trữ tài liệu phục vụ GSĐTCCĐ; tạo điều kiện sử dụng các phương tiện thông tin, liên lạc của Ủy ban nhân dân xã phục vụ GSĐTCCĐ.

3. Ban GSĐTCCĐ:

a) Tổ chức thực hiện GSĐTCCĐ theo chương trình, kế hoạch đã đề ra; tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi tới các cơ quan quản lý có thẩm quyền

theo quy định của Nghị định này; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý có thẩm quyền về những kiến nghị của mình;

b) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã về kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng.

Khoản 5 Điều 54 Quản lý, sử dụng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư quy định quản lý, sử dụng chi phí hỗ trợ GSĐTCCĐ.

a) Chi phí hỗ trợ GSĐTCCĐ trên địa bàn cấp xã được cân đối trong dự toán chi của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã và do ngân sách cấp xã đảm bảo. Mức kinh phí hỗ trợ GSĐTCCĐ trên địa bàn xã bố trí phù hợp với kế hoạch hoạt động GSĐTCCĐ do Hội đồng nhân dân xã quyết định và đảm bảo mức kinh phí tối thiểu 05 triệu đồng/năm.

Việc lập dự toán, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí cho Ban GSĐTCCĐ thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách cấp xã và các hoạt động tài chính khác của cấp xã;

b) Chi phí hỗ trợ công tác tuyên truyền, tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn, sơ kết, tổng kết về GSĐTCCĐ ở cấp huyện, tỉnh được cân đối trong dự toán chi của Ủy ban MTTQ cấp huyện, cấp tỉnh và do ngân sách cấp huyện, cấp tỉnh đảm bảo.

Điều 68. Chế độ báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư

13. Chế độ báo cáo GSĐTCCĐ

a) Ban GSĐTCCĐ định kỳ hằng quý báo cáo Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã về tình hình thực hiện GSĐTCCĐ đối với chương trình, dự án trên địa bàn. Trường hợp phát hiện các vấn đề vi phạm hoặc có các kiến nghị khác về các chương trình, dự án trong quá trình giám sát đầu tư của cộng đồng, Ban GSĐTCCĐ tổng hợp trình Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã để gửi kiến nghị tới các cơ quan liên quan;

b) Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã định kỳ hằng năm, tổng hợp kết quả GSĐTCCĐ trên địa bàn xã gửi HĐND, UBND cấp xã, Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện, cấp tỉnh;

c) Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh định kỳ hằng năm, tổng hợp, lập báo cáo kết quả GSĐTCCĐ tại địa phương gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, HĐND, UBND cấp tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 69. Thời hạn báo cáo và nội dung báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư

5. Thời hạn báo cáo GSĐTCCĐ

a) Ban GSĐTCCĐ gửi báo cáo trước ngày **10** của tháng đầu quý tiếp theo;

b) Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã gửi báo cáo hằng năm trước ngày **10/02** năm sau;

c) Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh gửi báo cáo hằng năm trước ngày **20/02** năm sau.